BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 11 năm 2021

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

- Tên ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh**
- Mã số: **8220201**
- Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Duy Tân**
- Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. Giới thiệu cơ sở đào tạo

Trường Đại học dân lập Duy Tân được thành lập ngày 11/11/1994 theo Quyết định số 666/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2015, Trường đã chuyển đổi sang loại hình tư thục theo Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ và đổi tên thành Trường Đại học Duy Tân ĐHDT. Sau khi có quyết định chuyển đổi, Trường đã tổ chức hoạt động theo loại hình trường tư thục đúng với Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ Trường đại học, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Trường chịu sự quản lý trực tiếp về chuyên môn của Bộ GD&ĐT và quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Sau 26 năm xây dựng và phát triển, được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ GD&ĐT và UBND thành phố Đà Nẵng cùng với sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của lãnh đạo, cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học của nhà trường, Trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, đưa Trường phát triển trở thành trường đại học hàng đầu của Việt Nam và có mặt trong số các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu khu vực và thế giới. Theo đó, Trường ĐHDT đã đạt được những thành tích nổi bật như sau:

- 1 trong 500 trường đại học tốt nhất châu Á năm 2020 theo xếp hạng QS Ranking (Việt Nam có 8 cơ sở giáo dục đại học được xếp hạng);

- 1 trong 400 trường đại học tốt nhất châu Á năm 2021 theo xếp hạng QS Ranking (Việt Nam có 11 cơ sở giáo dục đại học được xếp hạng);
- Xếp thứ 3 Việt Nam và thứ 1.147 các đại học thế giới năm 2019, 2020 về thành tựu học thuật theo xếp hạng của URAP (Univesity Ranking by Acadimic Peformance);
- Xếp thứ 2 Việt Nam và thứ 770 các đại học thế giới năm 2020 về thành tựu học thuật theo xếp hạng của URAP (Univesity Ranking by Acadimic Peformance);
- Xếp thứ 2 trong 10 cơ sở nghiên cứu của Việt Nam trong bảng xếp hạng của tạp chí Nature Index (giai đoạn từ 1/7/2019 – 30/6/2020);
- Là 1 trong 3 cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam được ABET, tổ chức kiểm định hàng đầu của Hoa Kỳ, công nhận đạt kiểm định chất lượng theo chuẩn quốc tế đối với 3 chương trình: Kỹ thuật mạng, Hệ thống thông tin quản lý và Điện - Điện tử; và là cơ sở giáo dục đại học có nhiều chương trình đạt chuẩn kiểm định ABET nhất Việt Nam;
- Xếp thứ 3/4 đại học của Việt Nam (thứ 1.659 thế giới) trên bảng xếp hạng các đại học trên Thế giới CWUR.
- Năm 2014, Trường được Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng Nhì;
- Năm 2019, Trường được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng Nhất.

Về công tác đào tạo

Hiện nay, Trường ĐHDT tổ chức tổ chức đào tạo các trình độ trình độ giáo dục đại học gồm đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, gồm 10 ngành Tiến sĩ, 13 ngành thạc sĩ (01 ngành liên kết đào tạo quốc tế), 44 ngành đại học chính quy, 13 ngành Tiên tiến & Quốc tế, 9 ngành Tài năng; Đại học Liên thông 10 ngành; Văn bằng thứ hai 2 ngành; Từ xa 07 ngành, với quy mô 20.983 học viên và sinh viên.

Trong bối cảnh nhiều trường đại học gặp khó khăn về tuyển sinh nhưng Nhà trường không những luôn thực hiện đạt chỉ tiêu của Bộ GD&ĐT giao mà còn từng bước nâng chất lượng tuyển sinh đầu vào để nâng cao chất lượng đào tạo.

Từ khi thành lập đến nay, Trường đã tuyển sinh được 107.098 sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh, trong đó: 51 nghiên cứu sinh, 2.647 học viên cao học, 26 khóa đại học với 78.911 sinh viên, 11.692 sinh viên bậc cao đẳng, 1.397 sinh viên Cao đẳng Nghề và

12 khóa trung cấp chuyên nghiệp với 12.400 học sinh *(dừng tuyển sinh hệ trung cấp chuyên nghiệp từ 2012 và dừng tuyển sinh hệ cao đẳng từ năm 2018).* Trường đã cung cấp cho xã hội 64.581 tiến sĩ, thạc sĩ, kỹ sư, kiến trúc sư và cử nhân, trong đó: 03 tiến sĩ, 1.264 thạc sĩ; 44.780 kỹ sư, kiến trúc sư, cử nhân đại học, 6.865 cử nhân cao đẳng, 636 cao đẳng nghề và 11.033 trung cấp chuyên nghiệp - nguồn nhân lực có chất lượng, đóng góp vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Kết quả khảo sát việc làm cho thấy tỷ lệ việc làm của sinh viên sau một năm tốt nghiệp đạt hơn 95%. Có thể thấy rằng, chất lượng đào tạo ở Trường ĐHDT đã góp phần đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực, cũng như góp phần nâng cao trình độ dân trí và xã hội hóa giáo dục.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Trường đã tham gia Hiệp hội CDIO và PBL thế giới nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua việc áp dụng giảng dạy theo hình thức CDIO đối với các ngành khối kỹ thuật và công nghệ, hình thức phương pháp học qua dự án (PBL) đối với các ngành khối kinh tế - xã hội[1]; đa dạng các chương trình ngoại khóa và bổ sung nhiều học phần nhằm trang bị tư duy phản biện, phương pháp nghiên cứu khoa học cho người học.

Trường đã công bố chuẩn đầu ra cho 100% ngành đào tạo trước toàn xã hội, được Bộ GD&ĐT đánh giá đảm bảo điều kiện chất lượng và được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Về công tác hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, sinh viên trau dồi kiến thức, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, tiếp cận với những phương pháp dạy học hiện đại, Trường đã đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế và ký kết hợp tác và chuyển giao 13 chương trình đào tạo tiên tiến thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Du lịch, Xây dựng và Kiến trúc, Điện – Điện tử với các trường uy tín của thế giới, có thể kể đến như: Đại học Carnegie Mellon, Đại học Penn State, Đại học Purdue, Đại học California State Fullerton, Đại học Cal Poly, Trường Lorain County Community College (Hoa Kỳ), Trường Singapore Polytechnic (Singapore), Đại học

[1] CDIO (**Conceive – Design – Implement – Operate),** có nghĩa là: hình thành ý tưởng, thiết kế ý tưởng, thực hiện và vận hành; Phương pháp học qua dự án (PBL- Project-based learning).

Koblenz - Laudau (CHLB Đức), Đại học Dong - A (Hàn Quốc), Tổ chức Hỗ trợ Đại học thế giới Canada, Hội đồng Kế toán Vương quốc Anh, Tập đoàn Seires (Nhật Bản). Đặc biệt, Trường ĐHDT là đồng sáng lập Tổ chức Tổ chức Passage to Asian (P2A)[2]; là đại diện Vùng châu Á của tổ chức CDIO thế giới và là thành viên chính thức của Tổ chức PBL thế giới.

Nhằm đa dạng hoá các hình thức hợp tác quốc tế cũng như tạo cơ hội cho sinh viên được hưởng thụ nền giáo dục tiên tiến với chi phí thấp nhất, Trường đã được Bộ GD&ĐT đồng ý cho phép triển khai các chương trình liên kết đào tạo quốc tế như: Liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Điều dưỡng với Đại học Fooyin – Đài Loan, liên kết đào tạo trình độ đại học dưới hình thức 1+1+2 với Trường Lorain, 2+2 với Đại học Medaille và Đại học Appalachian State – Hoa kỳ, 4+0 (du học tại chỗ) với Đại học Troy - Hoa Kỳ; 3+1 với Đại học Coventry - Vương quốc Anh.

Về công tác khoa học và công nghệ

Công tác khoa học và công nghệ luôn được nhà Trường đặc biệt quan tâm đầu tư, do đó công tác này của Trường có sự phát triển vượt bậc, là điểm sáng của ngành, mà nổi bật nhất là các công bố quốc tế. Theo trang website khoa học thế giới (Web of Science của Clarivate, Hoa Kỳ, thống kê các công trình khoa học, công nghệ đã công bố trên 14.000 tạp chí khoa học chất lượng và uy tín hàng đầu thế giới, còn được gọi là các tạp chí ISI) công bố năng lực của các cơ sở nghiên cứu và giáo dục, trong đó có Việt Nam thì Trường ĐHDT là cơ sở tư thục duy nhất và đứng thứ 5 trong tốp 10 cơ sở giáo dục đại học có số công bố quốc tế nhiều nhất Việt Nam[3].

Đến 30/6/2020, Trường đã công bố hơn 6.000 sản phẩm khoa học, trong đó tiêu biểu là 3.387 bài báo ISI; 111 bài báo Scopus; 6 đề tài Nghị định thư; 4 đề tài cấp Bộ; 47 đề tài Nafosted; 7 đề tài cấp tỉnh; 140 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế (Non ISI và Scopus); 627 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước; 532 bài báo đăng trong tạp chí Trường; 294 bài báo đăng trong các Hội nghị trong nước; 395 bài báo đăng trong các Hội nghị quốc tế; 126 sách xuất bản toàn quốc, Book Editor, chapter, sách chuyên khảo; 03 bằng độc quyền sáng chế; 837 đề tài NCKH của sinh viên; 361 đề tài cấp trường

[2] Tổ chức Passage to Asian (P2A) - mạng lưới kết nối các trường đại học khu vực Châu Á.
[3] https://www.tienphong.vn/giao-duc/cac-truong-dai-hoc-vn-qua-cong-bo-quoc-te-nhin-tu-du-lieu-scopus-1313551.tpo

của giảng viên. Được Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép xuất bản Tạp chí Khoa học và Công nghệ có mã số chuẩn quốc tế ISSN. Trường phối hợp với Tổ chức Liên minh Châu Âu vì sự đổi mới về Mạng công nghiệp và Hệ thống thông minh đồng sáng lập Tạp chí quốc tế Mạng Công nghiệp và Hệ thống Thông minh (Tạp chí Mạng Công nghiệp & Hệ thống Thông minh đã được chấp nhận vào hệ thống cơ sở dữ liệu SCOPUS vào tháng 6/2021).

Với những thành tích nổi bật trong hoạt động khoa học và công nghệ, Chủ tịch UBND thành phố tặng Bằng khen cho 151 bài báo và 72 cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động Nghiên cứu khoa học[4].

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên

Hiện nay, cơ cấu tổ chức và quản lý của Trường gồm có: Hội đồng Trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Trường đào tạo, Viện đào tạo, Khoa, Viện nghiên cứu, Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng, các đơn vị chức năng; về tổ chức Đảng và đoàn thể có: Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên.

Đến 30/06/2021, đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn Trường là 1263 người, trong đó có 914 giảng viên cơ hữu, gồm 265 giảng viên có trình độ tiến sĩ, học vị phó giáo sư và giáo sư (29%).

Chất lượng đội ngũ giảng viên là yếu tố then chốt, có vai trò quyết định nâng cao chất lượng giáo dục trong các trường học. Bởi vậy, phát triển đội ngũ giảng viên có chất lượng cao là một chiến lược được quan tâm hàng đầu hiện nay tại Trường. Trong xu thế hội nhập, một giảng viên đại học giỏi đồng thời phải là một nhà giáo, một nhà khoa học. Giảng viên phải có kiến thức chuyên môn sâu về ngành giảng dạy, về chương trình đào tạo, về xu hướng đào tạo, về kỹ năng dạy và học… Tất cả giảng viên đều thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tìm cách ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn giảng dạy và công bố các kết quả nghiên cứu. Theo đó, Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện cho giảng viên được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp. Đồng thời, xây dựng chính sách động viên, khuyến khích giảng viên thực hiện công tác nghiên cứu khoa học như thực hiện đề tài khoa học, viết và đăng tải các ấn phẩm khoa học, đặc biệt là các công bố quốc tế. Các sản phẩm khoa học công nghệ của giảng

[4] Quyết định số: 7510/QĐ-UBND ngày 29/10/2016, Quyết định số: 6273/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 và Quyết định số 4403/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

viên và người học được áp dụng vào công tác giảng dạy, nghiên cứu, sản xuất đã thể hiện năng lực nghề nghiệp chuyên sâu của đội ngũ giảng viên, khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất của thầy và trò nhà Trường.

Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ, Trường ĐHDT đã cử hơn 450 lượt giảng viên đi tập huấn về phương pháp giảng dạy mới từ 1 đến 2 tháng tại các đại học như Carnegie Mellon University (CMU), Pennsylvania State University (PSU), Fullerton Auxiliary Services Corporation Fullerton, California (CSU), Purdue State - Hoa kỳ, vv… Đồng thời, hàng chục giảng viên từ các đại học ở Hoa Kỳ, Singapore, Thụy Điển, vv…. Đã đến Trường đào tạo cho hơn 300 lượt giảng viên của Trường. Mặt khác, Nhà trường thường xuyên đầu tư cho đội ngũ đi học nghiên cứu sinh, thạc sĩ và các khóa đào tạo ngắn hạn.

Về công tác cơ sở vật chất

Trường ĐHDT đã trang bị hệ thống cơ sở vật chất với đầy đủ trang thiết bị khang trang, hiện đại, đạt tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu, làm việc cho học viên, sinh viên, giảng viên, chuyên gia nghiên cứu cũng như cán bộ, chuyên viên, nhân viên trong Trường. Đến nay, Trường đã tạo dựng được hệ thống cơ sở vật chất với hơn 61.697m^2 đất, xây dựng được 82.362,2 m^2 sàn, trong đó có 55.574,54 m^2 sàn trực tiếp phục vụ đào tạo, bình quân đạt 3,1 m^2/sinh viên đảm bảo điều kiện chất lượng đào tạo tại 6 cơ sở đào tạo chính.

- **Cơ sở số 03 Quang Trung và K7/25 Quang Trung:** Số 03 và K7/25 đường Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- **Cơ sở 254 Nguyễn Văn Linh và 209 Phan Thanh:** Số 254 đường Nguyễn Văn Linh và số 209 đường Phan Thanh, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;

- **Cơ sở 137 Nguyễn Văn Linh:** Số 137 đường Nguyễn Văn Linh, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- **Cơ sở 3.5 ha - Hoà Khánh Nam:** Số120 đường Hoàng Minh Thảo, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- **Cơ sở Hà Bổng:** Số 59 đường Hà Bổng, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- **Cơ sở 2.1 ha - Phan Hành Sơn:** Số 02 đường Phan Hành Sơn, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, Trường ĐHDT đã được thành phố Đà Nẵng đồng ý giao 286.976 m^2 đất tại đường Hoàng Văn Thái, xã Hòa nhơn Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng để đầu tư xây dựng Trường. Trường đang triển khai hoàn thành các thủ tục pháp lý để tiếp nhận và đầu tư xây dựng tại cơ sở này. **(Bảng 5a).**

Bảng 1: *Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo*

(Các danh mục được lập theo mẫu Phụ lục IV.2 kèm theo).

Số TT	Loại phòng	Số lượng	Tổng diện tích (m^2)
1	Phòng học	176	29.208,6
2	Phòng máy tính	19	2.760
3	Phòng học tiếng	9	1.231,4
3	Thư viện	3	1.820
4	Phòng thí nghiệm, thực hành	124	11.957
5	Xưởng thực tập – thực hành		
6	Phòng ký túc xá		9.375
7	Nhà ăn	1	200
8	Hội trường	4	1.617
9	Nhà văn hóa		
10	Nhà thi đấu đa năng		
11	Sân vận động		13.069
12	Diện tích khác (văn phòng, nhà kho, xưởng,…		508
13	Tổng diện tích đất đai	6	61.697
14	Tổng diện tích sàn xây dựng		82.362,2
15	Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo		62.135,22

Trang thiết bị đào tạo và thực hành

Nhà trường đã xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm - thực hành hiện đại như: Phòng thí nghiệm Quang phổ; Phòng thực hành Kế toán ảo; Phòng thí nghiệm Lý – Hóa, Hóa – sinh, Vi sinh, Y sinh, Môi trường, Giải phẫu, Điều dưỡng, Dược lý, Bào chế dược liệu, Sinh lý bệnh, Hệ thống nhúng, Rô bốt – Micromouse, Điện – Điện tử, Viễn thông, Cơ học đất, Thủy lực, Vật liệu xây dựng, Sức bền vật liệu, Trắc địa, Vẽ kỹ thuật, Audio và Video, Lễ tân, Bếp, Buồng, Phòng, vv…. ; 02 Phòng ghi âm và thu hình; Vườn thuốc đạt chuẩn ngành Dược; 100% phòng học được trang bị máy chiếu đa phương tiện, hệ thống camera và âm thanh phục vụ đào tạo online, máy điều hòa.

Hệ thống thông tin, mạng internet và mạng wifi miễn phí phủ khắp toàn Trường. Trường đã đầu tư hoàn thiện hệ thống Data Center phục vụ công tác đào tạo theo học chế tín chỉ, đào tạo từ xa dưới dạng E-Learning, đào tạo và thi trực tuyến; trang bị 244 máy chiếu, 1.997 máy vi tính hiện đại được kết nối mạng. Các trang thiết bị khác như máy in, máy scanner, máy đọc barcode, máy chấm thi trắc nghiệm khách quan, cổng từ được trang bị đầy đủ. Bên cạnh hệ thống trang thiết bị, Trường còn thành lập các đơn vị chuyên sâu, chuyên trách nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược như: Trung tâm Công nghệ phần mềm (CSE), Trung tâm Công nghệ thông tin (CIT), Trung tâm Điện – Điện tử (CEE), Trung tâm Microsoft (MIC), vv....(Bảng 5b và 5c).

Bảng 2. Trang thiết bị đào tạo và thực hành

TT	Tên phòng thực hành	Tên thiết bị		Số lượng
1	**Phòng 403** *(Cơ sở 254 Nguyễn Văn Linh và 209 Phan Thanh, thành phố Đà Nẵng)*	Ổ cứng WD 4TB		01
		Ống kính máy quay phim CANON CE-E18-80mm T4.4L+Bộ điều khiển CANON ZSG-C10		01
		Ống kính máy quay phim CANON RF-70200M F2.8 LIS USM		01
		Máy ảnh CANON 5D Mark 3; ống kính 24-105mm 6120672		01
		Máy ảnh kỹ thuật số CANON EOS IDX MK-II, DS 125561-298028000241		01
		Máy ảnh KTS CANON EOS RS KIT RF24-105mm F/4L IS USM DS126839 s/r:048021000757		01

Card Matrox RTX2 (MMTI-491)		01
Case máy tính (Intel Core i9-9900X; SSD 860 pro 256Gb, WD 6TB;…)		01
Máy chiếu CANON		01
Máy quay SONY 3CMOS		01
Máy quay SONY 69607		01
Máy quay SONY DRS-PD177P		01
Máy quay CANON XF305E CAMERA S/n: 263852900179		01
Switch Catalyst 2960-X 24 GigE 2x10G SFP+LAN Base		01
Bút chiếu Logitech R400		01
Card màn hình RTX 2080 EVGA		01
Chân máy quay, chân đèn		16
DDRam 3 2GB		03
Bộ nhớ trong Kingston Bgb/1600		02
Remote Benro		01
Bộ chia HDMI		02
Thẻ nhớ 64-128GB		04
Headphones		03
Tủ các loại		06
Bộ cò chụp ảnh tự đồng GODOX VB860II KIT WITH X1T-C TTL WIRELESS FLASH TRIGGER, s/r: 23BYXN1C		01
Bộ micro không dây – BOYA BY-WM8 Pro K2		01
Micro cầm tay không dây		11
Đèn Godox 1000C		03
Đầu thu/ghi		04
Amply		01
Loa		03
Ti vi		02
Camera		01
Máy ghi âm		01

		Laptop		01
		Máy in		01
		Ổ cứng		03
		Switch		01
		Máy scan		01
		Điều hòa		01
		Điện thoại		01
2	**Phòng 413** *(Cơ sở 254 Nguyễn Văn Linh và 209 Phan Thanh, thành phố Đà Nẵng)*	Máy chiếu Hitachi CP-EX302N		01
		Màn chiếu		01
		Bảng từ xanh (1,2x3,6m)		01
		Bộ Micro		01
		Amply		01
		Access point		01
		Camera		02
		Điều hòa		02
		Quạt đảo		11
		Loa		02
		Bàn học viên		52
		Ghế gỗ		100
3	**Phòng 414** *(Cơ sở 254 Nguyễn Văn Linh và 209 Phan Thanh, thành phố Đà Nẵng)*	Máy chiếu Hitachi CP-Ẽ302NP		01
		Màn chiếu		01
		Bảng từ xanh (1,2x3,6m)		01
		Bộ Micro		01
		Amply		01
		Access point		01
		Camera		02
		Điều hòa		02
		Quạt đảo		10
		Loa		02
		Bàn học viên		51
		Ghế gỗ		102
		Ghế xoay		01

4	**Phòng 506** *(Cơ sở 254 Nguyễn Văn Linh và 209 Phan Thanh, thành phố Đà Nẵng)*	Máy chiếu MAXELL MC-EX303E		01
		Màn chiếu		01
		Loa		01
		Camera		01
		Điều hòa		02
		Quạt đảo		06
		Bàn học viên		28
		Ghế xoay		18
		Ghế inox		09
		Bảng kính (1400x3600)		01
5	**Phòng 507** *(Cơ sở 254 Nguyễn Văn Linh và 209 Phan Thanh, thành phố Đà Nẵng)*	Máy chiếu Hitachi Cp-X2530WNEF		01
		Màn chiếu		01
		Switch Catalys 2960		01
		Bảng vẽ (1400x3600)		02
		Bảng mêca (600x1000)		01
		Đầu thi micro không dây		01
		Loa		02
		Quạt đảo		13
		Router, Linksy		01
		Catalys 2950 WS-C2950-24		01
		Ghế xoay		54
		Máy tính để bàn		54
		Amply		01
		Camera		01
		Điều hòa		04
		Tủ		01
6	**Phòng 508A** *(Cơ sở 254 Nguyễn Văn Linh và 209 Phan Thanh, thành phố Đà Nẵng)*	Máy chiếu Hitachi CP-EX302N		01
		Màn chiếu		01
		Bảng vẽ (1400x3600)		01
		Bảng mêca (1400x3600)		01
		Bàn học viên		29
		Ghế xoay		20
		Ghế inox		08
		Điều hòa		02
		Quạt đảo		06

7	**Phòng 508B** *(Cơ sở 254 Nguyễn Văn Linh và 209 Phan Thanh, thành phố Đà Nẵng)*	Máy chiếu Hitachi CP-EX302N		01
		Màn chiếu		01
		Bàn học viên		28
		Bảng kính (1400x3600)		01
		Ghế xoay		19
		Ghế inox		07
		Camera		01
		Điều hòa		02
		Quạt đảo		05
8	**Phòng 513** *(Cơ sở 254 Nguyễn Văn Linh và 209 Phan Thanh, thành phố Đà Nẵng)*	Máy chiếu Hitachi CP-EX302N		01
		Màn chiếu		01
		Bộ máy tính		25
		Máy in		01
		Access point		01
		Thiết bị thu phát vô tuyến Meraki MR 33 + Bản quyền		01
		Camera		01
		Điều hòa		02
		Quạt đứng		02
		Bộ salon tiếp khách		01
		Bàn giao dịch		01
		Bàn		05
		Ghế xoay		11
		Kệ sách		03
		Tủ các loại		08
9	**Phòng 514** *(Cơ sở 254 Nguyễn Văn Linh và 209 Phan Thanh, thành phố Đà Nẵng)*	Máy chiếu Canon LV-X300		01
		Màn chiếu		01
		Bộ micro		01
		Amply		01
		Loa		02
		Camera		01
		Điều hòa		01
		Quạt đảo		11
		Quạt treo tường		02
		Bảng vẽ		01
		Bảng kính (1400x3600)		01

		Bàn học viên		39
		Ghế inox		36
		Ghế xoay		05

Bảng 3. *Thống kê trang thiết bị thực tế*

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Ghi chú
1	Máy tính		1.300	Tất cả các học phần	
2	Server		55 cái	Tất cả các học phần	
3	Projector		231	Tất cả các học phần	
4	Máy in		85	Tất cả các học phần	
5	Máy Photo		11	Tất cả các học phần	
6	Đèn chiếu		5	Tất cả các học phần	
7	Khuếch đại âm thanh		31	Tất cả các học phần	
8	Cassetter		97	Tất cả các học phần	
9	Switch		55	Tất cả các học phần	
10	Hub		32	Tất cả các học phần	
11	Laptop		215	Tất cả các học phần	
12	Máy ảnh		11	Tất cả các học phần	
13	Máy quay phim		5	Tất cả các học phần	
14	Ổn áp		37	Tất cả các học phần	
15	Tủ lạnh		11	Tất cả các học phần	
16	Điện thoại		98	Tất cả các học phần	
17	Máy điều hòa		415	Tất cả các học phần	
18	Máy Fax		8	Tất cả các học phần	
20	Tivi		26	Tất cả các học phần	
21	Camera		38	Tất cả các học phần	
22	Đầu DVD		25	Tất cả các học phần	
23	Gauter		3	Tất cả các học phần	
24	Quạt các loại		310	Tất cả các học phần	
25	Tủ		378	Tất cả các học phần	
26	Bảng viết các loại		286	Tất cả các học phần	

27	Đồng hồ		87	Tất cả các học phần	
28	Máy ghi âm		100	Tất cả các học phần	
29	Bàn		6076	Tất cả các học phần	
30	Ghế		8550	Tất cả các học phần	

Thư viện

Hệ thống 03 Thư viện được trang bị đầy đủ học liệu và hiện đại gồm 101.270 đầu sách, tạp chí, ebook..., trong đó có 17.052 sách in và 84.218 tài liệu điện tử, 85 máy tính, hơn 50 máy đọc sách điện tử với đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, tạp chí chuyên ngành đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác học tập nghiên cứu tại Thư viện. Thư viện đã sử dụng phần mềm trong công tác quản lý, hỗ trợ tra cứu tài liệu (http://elib.dtu.edu.vn). Bên cạnh Thư viện truyền thống, Trường đã xây dựng thư viện điện tử với 160.000 tài liệu điện tử (http://thuvienso.edu.vn) và kết nối với các cơ sở dự liệu toàn văn trong nước và quốc tế như: http://tailieu.vn; Science@Direct; Springerlink; Proquest Central; IEEE.

Bảng 4: *Tài liệu phục vụ chương trình đào tạo*

STT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
1	*Giáo trình Triết học cơ sở*	Việt nam 2017	200	101
2	**베트남인을 위한 종합 한국어 3**	Hàn Quốc, 2018	150	102
3	*Giáo Trình Tiêu Chuẩn HSK4*	Trung Quốc 2013	150	102
4	연세 한국어, 서울 한국어, 서강 한국어	Trung Quốc 2013	150	102

5	*An Introduction to Language*	Úc 2018	02	ENG 601
6	Linguistics for Everyone – An Introduction	Úc 2013	30	ENG 601
7	The Handbook of English Linguistics	USA 2006	e-book	ENG 601
8	*An Introduction to Functional Grammar*	Úc 2004	e-book	ENG 601
9	*Contemporary linguistics: An introduction*.	USA	01	ENG 601
10	*The Structure of Modern English – A Linguistic Introduction*	Amsterdam 2000	e-book	ENG 601
11	*Language: Its structure and Use*	USA 2004	e-book	ENG 601
12	*Linguistics: An Introduction to Linguistic Theory*	USA 2000	e-book	ENG 601
13	Intercultural Communication for Everyday Life	UK 2014	02	ENG 602
14	*Understanding Culture's Influence on Behavior*	UK 2000	e-book	ENG 602
15	How Different Are We? Spoken Discourse in Intercultural Communication	USA 2002	e-book	ENG 602
16	*Cross-cultural and Intercultural Communication*	SAGE 2003	e-book	ENG 602
17	*Intercultural Communication: An Advanced Resource Book*.	UK 2004	e-book	ENG 602

18	*Intercultural Communication: Identities in a Global Community*	UK 2004	e-book	ENG 602
19	*An Introduction to Intercultural Communication: Identities in a Global Community*	USA 2012	e-book	ENG 602
20	*An Introduction to Intercultural Communication: Identities in a Global Community*	SAGE 2015	e-book	ENG 602
21	*Handbook of Intercultural Communication*	USA 2007	e-book	ENG 602
22	Intercultural Communication in Contexts	USA 2010	e-book	ENG 602
23	*Communication between Cultures*	Canada 2010	e-book	ENG 602
24	*Intercultural Communication: A Discourse Approach*	UK 2011	e-book	ENG 602
25	*Contrastive Analysis*	UK 1992	02	ENG 603
26	*Language: Its Structure and Use*	USA 2008	02	ENG 603
27	*Linguistics Across Cultures*	USA 1957	e-book	ENG 603
28	*Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*	Việt Nam 2005	01	ENG 603
29	*Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu các ngôn ngữ Đông Nam Á*	Việt Nam 1992	01	ENG 603
30	*Seeing Through Multilingual Corpora on the Use of Corpora in Contrastive Studies*	Amsterdam 2007	e-book	ENG 603

31	*Ngôn ngữ học đối chiếu – Cú pháp Tiếng Anh – Tiếng Việt*	Việt Nam 2007	01	ENG 603
32	The Routledge Handbook of World Englishes	UK 2010	30	ENG 604
33	*Global Linguistic Flows: Hip Hop Cultures, Youth Identities, and the Politics of Language*	USA 2009	01	ENG 604
34	*A Handbook of Varieties of English: Morphology and Syntax*	Berlin 2004	e-book	ENG 604
35	*English in Modern Times*	UK 2004	01	ENG 604
36	*Language in the British Isles*	UK 2007	e-book	ENG 604
37	*English as a Global Language*	UK 2003	e-book	ENG 604
38	*World Englishes: A Cognitive Sociololinguistic Approach*	Berlin 2009	e-book	ENG 604
39	*English Accents and Dialects: An Introduction to Social and Regional Varieties of English in the British Isles*	UK 2005	e-book	ENG 604
40	*English as a Lingua Franca: Attitude and Identity*	UK 2007	e-book	ENG 604
41	*English as an International Language in Asia: Implications for Language Education*.	Springer 2012	e-book	ENG 604
42	*World Englishes: Implications for International Communication and English Language Teaching*	UK 2007	e-book	ENG 604
43	*Twentieth-century English: History, Variation, and Standardization*.	UK 2006	01	ENG 604

44	*Teaching English as an International Language: Rethinking Goals and Approaches*	UK 2002	e-book	ENG 604
45	*The Ecology of Language*	UK 2001	e-book	ENG 604
46	*Globalization or Empire*	USA 2004	e-book	ENG 604
47	*An Historical Study of English: Function, Form and Change*	UK 1996	01	ENG 604
48	*English Phonetics and Phonology – An Introduction*	USA 2013	30	ENG 605
49	*Phonology*	UK 2012	e-book	ENG 605
50	*Practical Phonetics and Phonology*	UK 2008	02	ENG 605
51	*English Phonology and Graphophonemics*	Paris 2004	e-book	ENG 605
52	*Understanding Phonology*	UK 2005	e-book	ENG 605
53	*A Course in Phonetics*	USA 2010	e-book	ENG 605
54	*English Intonation: An Introduction*	UK 2006	e-book	ENG 605
55	*Syntax: A Generative Introduction*	UK 2013	01	ENG 606
56	*The Handbook of English Linguistics*	UK 2006	e-book	ENG 606

57	*Introducing English Grammar*	UK 2010	e-book	ENG 606
58	*Syntax: A Generative Introduction*	USA 2012	e-book	ENG 606
59	*The Syntax Workbook: A Companion to Carnie's Syntax*	USA 2012	e-book	ENG 606
60	*A Concise Introduction to Syntactic Theory: The Government-Binding Approach*	USA 2009	e-book	ENG 606
61	*An Introduction to English Sentence Structure*	UK 2009	e-book	ENG 606
62	*Understanding Syntax*	UK 2011	e-book	ENG 606
63	An Introduction to Sociolinguistics	USA 2014	01	ENG 607
64	*Language and Social Relations*	USA 2006	e-book	ENG 607
65	*Cognitive Sociolinguistics*	Berlin 2008	e-book	ENG 607
66	*Introducing Sociolinguistics*	UK 2009	e-book	ENG 607
67	*Ngôn ngữ học xã hội*	Việt Nam 2016	01	ENG 607
68	*Language in Society: An Introduction to Sociolinguistics*	UK 2000	e-book	ENG 607
69	*Halliday's Introduction to Functional Grammar*	UK 2004	01	ENG 608

70	*Genre – An Introduction to History, Theory, Research, and Pedagogy*	UK 2010	01	ENG 608
71	An Introduction to Systemic Functional Linguistics	USA 2004	e-book	ENG 608
72	Working with Discourse – Meaning Beyond the Clause	UK 2007	e-book	ENG 608
73	Introducing Functional Grammar	UK 2014	e-book	ENG 608
74	*Cognitive Linguistics: An Introduction*	UK 2006	01	ENG 609
75	*Cognitive Linguistic Approaches to Teaching Vocabulary and Phraseology.*	USA 2008	e-book	ENG 609
76	*Cognitive Linguistics*	UK 2004	01	ENG 609
77	*Cognitive Exploration of Language and Linguistics*	Amsterdam 2004	01	ENG 609
78	*Cognitive Linguistics: An Introduction*	UK 2006	01	ENG 609
79	*Cognitive Grammar: A Basic Introduction*	UK 2008	e-book	ENG 609
80	*Cognitive Linguistics: An Introduction*	UK 2001	e-book	ENG 609
81	*Đặc trưng văn hóa – dân tộc về ngôn ngữ và tư duy của người Việt*	Việt Nam 2005	01	ENG 609
82	*Tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ văn hóa của tư duy người Việt*	Việt Nam 2001	01	ENG 609

83	*Handbook of Cognitive Linguistics and Second Language Acquisition*	USA 2008	e-book	ENG 609
84	*Cognitive Linguistics in Action: From Theory to Application and Back*	Berlin 2010	e-book	ENG 609
85	*Ngôn ngữ học tri nhận- Ghi chép và suy nghĩ*	Việt Nam 2007	01	ENG 609
86	*How Languages Are Learned*	UK 2013	e-book	ENG 701
87	*The Handbook of Second Language Acquisition*	USA 2003	01	ENG 701
88	*The Study of Second Language Acquisition*	UK 2008	e-book	ENG 701
89	Theories in Second Language Acquisition	USA 2007	e-book	ENG 701
90	*The Social Turn in Second Language Acquisition*	UK 2003	e-book	ENG 701
91	*Research Methods in Second Language Acquisition*	UK 2012	01	ENG 701
92	*Second Language Learning Theories*	UK 2013	e-book	ENG 701
93	*The Routledge Handbook of Discourse Analysis*.	USA 2012	01	ENG 702
94	Multimodality and Genre – A Foundation for the Systemic Analysis of Multimodal Documents	USA 2008	01	ENG 702
95	Contemporary Narrative – Textual Production, Multimodality and Multiliteracies	UK 2011	01	ENG 702

96	*Political Discourse Analysis*	USA 2012	e-book	ENG 702
97	*Metadiscourse - Exploring Intercation in Writing*	USA 2005	01	ENG 702
98	*Analysing Discourse – Textual Analysis for Social Research*	UK 2003	e-book	ENG 702
99	*Language and Power*	UK 2015	e-book	ENG 702
100	An Introduction to Discourse Analysis: Theory and Method	USA 2014	01	ENG 702
101	Introducing Genre and English for Specific Purposes	USA 2018	e-book	ENG 702
102	*Learning and Communication in Digital Multimodal Landscapes*	UK 2013	01	ENG 702
103	*Discourse analysis: A Resource Book for Students*.	UK 2012	01	ENG 702
104	Reading Images – The Grammar of Visual Design	UK 2006	01	ENG 702
105	*How to Do Critical Discourse Analysis – A Multimodal Introduction.*	USA 2012	01	ENG 702
106	*Discourse Analysis and Language Teachers*	UK 1991	01	ENG 702
107	*Analyzing Multimodal Interaction – A Methodological Framework.*	UK 2004	01	ENG 702
108	*Discourse Analysis*	UK 2012	01	ENG 702

109	*An Introduction to Critical Discourse Analysis in Education*	UK 2004	01	ENG 702
110	*Discourse Analysis: Putting Our Worlds into Words*	USA 2014	e-book	ENG 702
111	*Multimodal Semiotics – Functional Analysis in Contexts of Education.*	UK 2008	01	ENG 702
112	*Ideas and Options in English for Specific Purposes*	USA 2006	01	ENG 702
113	*Language for Specific Purposes*.	UK 2015	e-book	ENG 703
114	*Developing Courses in English for Specific Purposes*.	USA 2010	e-book	ENG 703
115	*Language for Specific Purposes*	UK 2015	e-book	ENG 703
116	*The Handbook of ESP*	UK 2013	e-book	ENG 703
117	*Research Methods in Linguistics*	USA 2010	01	ENG 704
118	*Assignment and Thesis Writing*	Australia 1998	01	ENG 704
119	*The Routledge Encyclopedia of Research Methods in Applied Linguistics – Quantitative, Qualitative, and Mixed-methods research*.	UK 2016	01	ENG 704
120	*Contemporary Linguistic Analysis: An Introduction*	Canada 2015	e-book	ENG 704
121	*Research Methods in Linguistics*	UK 2014	e-book	ENG 704

122	*Research Methods in Second Language Psycholinguistics*	US 2014	e-book	ENG 704
123	*Research Methods in Intercultural Communication: A Practical Guide*	USA 2016	e-book	ENG 704
124	*Doing Second Language Research*	UK 2014	01	ENG 704
125	*Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches.*	UK 2017	e-book	ENG 704
126	*An Applied Reference Guide to Research Designs: Quantitative, Qualitative, and Mixed Methods*	UK 2012	01	ENG 704
127	*Educational Research: Quantitative, Qualitative, and Mixed Approaches*	USA 2014	e-book	ENG 704
128	*Writing, Reading, and Researching*	USA 2001	01	ENG 704
129	*Research Methods in Applied Linguistics*	UK 2007	01	ENG 704
130	*Projects in Linguistics: A Practical Guide to Researching Language*	UK 2006	01	ENG 704
131	Using Focus Groups in Research	UK 2003	01	ENG 704
132	*Research Design in Social Research*	UK 2002	01	ENG 704
133	*Using Focus Groups in Research*	UK 2002	01	ENG 704
134	Social Research Methods	UK 2004	01	ENG 704

135	*Discovering Statistics Using SPSS*	UK 2005	01	ENG 704
136	*An Introduction to Qualitative Research*	UK 2006	01	ENG 704
137	Survey Research Methods	UK 2002	01	ENG 704
138	*The Language of Evaluation: Appraisal in English*.	USA 2005	01	ENG 704
139	*Evaluation in Media Discourse: Analysis of a Newspaper Corpus*	USA 2004	01	ENG 705
140	*An Introduction to Applied Linguistics*	UK 2020	01	ENG 706
141	*Applied Linguistics*	UK 2003	e-book	ENG 706
142	*An Introduction to Applied Linguistics: From Practice to Theory*	UK 2007	e-book	ENG 706
143	*The Handbook of Applied Linguistics. Malden*	UK 2004	e-book	ENG 706
144	*The Oxford Handbook of Applied Linguistics*	UK 2010	01	ENG 706
145	*Applied Linguistics in Language Education*	UK 2002	e-book	ENG 706
146	*Longman Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics*	UK 2013	01	ENG 706
147	*Pragmatics*	USA 2011	e-book	ENG 707

148	*The Routledge Handbook of Pragmatics*	USA 2017	e-book	ENG 707
149	*Introduction to Pragmatics*	USA 2012	e-book	ENG 707
150	*Translation*	UK 2009	01	ENG 708
151	*The Oxford Handbook of Translation Studies*	UK 2012	01	ENG 708
152	*Essential Statistics for Applied Linguistics*	USA 2012	01	ENG 709
153	How to Use SPSS – A Step-by-step Guide to Analysis and Interpretation	USA 2020	01	ENG 709
154	*Discovering Statistics Using SPSS*	USA 2009	e-book	ENG 709
155	*Presenting Your Data with SPSS Explained*	UK 2017	e-book	ENG 709
156	*A Guide to Doing Statistics in Second Language Research Using SPSS and R*	UK 2015	e-book	ENG 709
157	*Investigating English Style*	UK 2016	01	ENG 710
158	*Pragmatic Stylistics*	UK 2006	e-book	ENG 710
159	*The Routledge Handbook of Stylistics*	UK 2014	01	ENG 710
160	*Key Terms in Stylistics*	UK 2010	01	ENG 710

161	*A Dictionary of Stylistics*	UK 2001	01	ENG 710
162	*Stylistics – A Practical Coursebook*	UK 2005	01	ENG 710
163	*The Cambridge Handbook of English Corpus Linguistics*	UK 2015	01	ENG 711
164	Corpus Linguistics for English Teachers	USA 2018	e-book	ENG 711
165	The Cambridge Handbook of Learner Corpus Research	UK 2015	e-book	ENG 711
166	*Corpus Pragmatics: A Handbook*	UK 2015	e-book	ENG 711
167	*Introducing Psycholinguistics*	UK 2013	01	ENG 712
168	*Psycholinguistics – A Resource Book for Students*	UK 2003	e-book	ENG 712
169	*Psycholinguistics*: *A Second Language Perspective*	USA 1983	01	ENG 712

Thư viện Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động để thu hút học viên, sinh viên như triển lãm sách, tọa đàm kỹ năng đọc sách hiệu quả, cuộc thi tranh luận. Thư viện thực hiện chính sách mở cửa 4 ca phục vụ người đọc, kể cả thứ Bảy và Chủ nhật. Thư viện Trường đã tiến hành khảo sát và nhận được đánh giá cao của bạn đọc về mức độ đáp ứng yêu cầu của thư viện đối với bạn đọc. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 90% học viên, sinh viên, giảng viên hài lòng về mức độ đáp ứng tài liệu phục vụ học tập và nghiên cứu của thư viện.

Từ những cơ sở trên, cùng với nhu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ Ngôn ngữ Anh cho triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng nói riêng và khu vực miền Trung – Tây Nguyên và cả nước nói chung, Trường ĐHDT xây dựng đề án mở ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ.

1.2. Đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh

Trong xu thế phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế hiện nay, nhu cầu nhân lực có trình độ chuyên môn cao như thạc sĩ và tiến sĩ để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, đối ngoại, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, vv… tại khu vực miền Trung – Tây nguyên nói chung, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam nói riêng là rất lớn. Do đó, số sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh có nhu cầu tiếp tục học ở bậc học cao hơn là rất lớn.

Để có đánh giá chính xác và khoa học về nhu cầu về nguồn nhân lực lực ngành Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ, Trường ĐHDT đã tiến hành nhiều cuộc khảo sát cụ thể như sau:

- Thời gian khảo sát: 9/2020 đến 2/2021

- Địa bàn khảo sát: Thành phố Đà Nẵng, Tỉnh Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Nam và Tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đối tượng khảo sát: doanh nghiệp (04 đơn vị), giảng viên và sinh viên ở 03 trường đại học, 8 Trường THPT.

- Số lượng người được khảo sát: 210 người.

- Kết quả: 84% trong số 210 người được khảo sát có dự kiến tiếp tục học thạc sĩ Ngôn ngữ Anh, trong số đó có 23% xác định cụ thể thời gian muốn học là trong vòng 12 tháng tới. Thông tin thu thập từ khảo sát trên cũng cho thấy nhu cầu theo học Chương trình Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh chủ yếu để:

+ Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam với các yêu cầu về trình độ ở người lao động ngày càng cao và cạnh tranh nghề nghiệp ngày càng gay gắt;

+ Có thể thăng tiến trong sự nghiệp cá nhân;

+ Nâng cao mức thu nhập và/hoặc trình độ học thuật;

+ Nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học;

+ Đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức chuyên sâu và học vị.

Kết luận: Các cuộc khảo sát đã khẳng định định hướng mở ngành Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ là cần thiết và có tính khả thi, dựa trên nhu cầu cao của xã hội về nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập, toàn cầu hóa.

1.3. Giới thiệu đơn vị chuyên môn sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo

Trường ĐHDT được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh theo Quyết định sô 4596/QĐ-BGDĐT ngày 03/07/1995. Ngày 15/8/1995, Hiệu trưởng Trường ĐHDT ban hành Quyết định số 13/QĐ-ĐHDT về việc thành lập Khoa Ngoại ngữ (nay là Khoa tiếng Anh).

Đến nay, Trường ĐHDT đã tuyển sinh được 25 khóa đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học. Số sinh viên ra trường đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước. Những cựu sinh viên của Khoa Tiếng Anh được phía người sử dụng lao động đánh giá tốt và thực sự phát huy được những kiến thức đã học nhất là các kỹ năng mềm về giải quyết các vấn đề sau trong thời gian theo học tại Trường ĐHDT. Nhiều sinh viên đã tự tạo được việc làm cho bản thân và người khác thông qua việc thành lập doanh nghiệp, trung tâm đào tạo ngoại ngữ.

Với đội ngũ giảng viên đã tốt nghiệp từ những cơ sở đào tạo ngoại ngữ uy tín trong nước, với phương pháp giảng dạy và tài liệu giảng dạy thường xuyên được đổi mới, các chương trình đào tạo của khoa Tiếng Anh trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về chuyên môn, và kỹ năng, giúp sinh viên giỏi trong nghề và biết hành xử phù hợp ngoài xã hội.

Khoa tiếng Anh có cơ cấu tổ chức gồm Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, Hội đồng Khoa học, 03 bộ môn (Trưởng - Phó bộ môn, đội ngũ giảng viên và trợ giảng cơ hữu), Văn phòng khoa, Liên chi đoàn Thanh niên và Tổ Công đoàn.

Đội ngũ giảng dạy của Khoa tiếng Anh đã có những bước phát triển nhảy vọt về số lượng và chất lượng, đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển của Khoa và Trường. Tính đến tháng 6/2021, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa gồm 45 người, trong đó có 01 phó giáo sư, 05 tiến sĩ và 34 thạc sĩ, 4 đang học thạc sĩ. Trong thời gian tới, Khoa sẽ tiếp tục tuyển dụng thêm giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ ngành Ngôn ngữ Anh và tạo điều kiện cho nhiều giảng viên học tiến sĩ ở trong và ngoài nước. Mục tiêu chiến lược của Khoa là nâng

số lượng giảng viên có học vị tiến sĩ lên 25% trên tổng số giảng viên cơ hữu vào năm 2025.

Các giảng viên của Khoa tốt nghiệp từ các trường đại học lớn trong nước cũng như nước ngoài, có kinh nghiệm giảng dạy và chuyên môn cao, tận tâm và nhiệt tình, có phương pháp giảng dạy hiện đại, biết chú trọng phát triển cho sinh viên khả năng tư duy, kỹ năng nghề nghiệp và học tập suốt đời. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, trên 80% giảng viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, viết bài đăng trên các tạp chí, trình bày báo cáo tại các hội nghị và hội thảo trong và ngoài nước.

Ngoài ra, khoa còn có đội ngũ nhân viên phụ trách công tác văn thư, giáo vụ, đảm bảo sự vận hành và các hoạt động của Khoa với tinh thần trách nhiệm cao và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

1.4. Lý do đề nghị mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

Việc mở ngành Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ của Trường ĐHDT dựa trên các cơ sở cụ thể như sau:

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của đất nước nói chung, khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và Thành phố Đà Nẵng nói riêng được xác định trong Nghị quyết Đại hôi XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2021 – 2025 của các tỉnh/thành thuộc Khu vực Miền trung – Tây Nguyên, Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/1/2019 của Bộ Chính trị về về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nhu cầu phát triển chung về nhân lực của cả nước được định hướng trong Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 – 2025;

- Nhu cầu phát triển nhân lực của thành phố Đà Nẵng và các tỉnh lân cận;

- Nhu cầu của người học, thể hiện qua kết quả các cuộc khảo sát;

- Chiến lược phát triển của Trường ĐHDT giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Chiến lược phát triển của Trường Ngoại ngữ - Trường ĐHDT giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nhu cầu về nguồn nhân lực (các tỉnh Khu vực Miền trung – Tây Nguyên).

Trường ĐHDT đào tạo nguồn nhân lực cho cả nước, tuy nhiên số liệu thống kê tuyển sinh từ năm 1995 đến nay cho thấy người học chủ yếu đến từ các tỉnh Miền Trung – Tây Nguyên, trong đó thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam có tỷ lệ người học đông nhất (chiếm khoảng 40%).

Khu vực Miền Trung – Tây Nguyên (từ Thanh Hóa đến Bình Thuận) gồm vùng Bắc Trung Bộ - Duyên hải Miền Trung và Vùng Tây Nguyên gồm 18 tỉnh và thành phố Đà Nẵng (trực thuộc trung ương). Đây là khu vực có diện tích rộng lớn với đủ các loại địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu khác nhau, tài nguyên thiên nhiên phong phú như biển, khoáng sản, nắng gió, nhiều di tích lịch sử và văn hoá đặc sắc của các dân tộc anh em gắn với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, truyền thống yêu nước nồng nàn, người dân cần cù, chịu khó, thông minh, hiếu học và quyết tâm vượt khó. Về cơ sở hạ tầng, đây là khu vực có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế: 9 cảng hàng không, trong đó có 5 cảng quốc tế; có 11/17 khu kinh tế ven biển, 1 trong 3 Khu công nghệ cao của cả nước; có cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong, Nghi Sơn, Vũng Áng, Dung Quất, Vũng Rô, đường bộ, đường cao tốc, đường sắt, đường thủy, hệ thống thông tin liên lạc khá đồng bộ. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta đã xác định phát triển các vùng và khu kinh tế như là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2021 – 2025. Theo đó:

Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung: Cơ cấu lại nông, lâm nghiệp; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao năng suất, hiệu quả cây công nghiệp, chăn nuôi; khai thác, nuôi trồng thuỷ, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm phát triển bền vững và hiệu quả cao. Nâng cao hiệu quả phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp lọc hoá dầu, luyện kim. Tập trung phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng - an ninh trên biển. Phát triển nhanh, đồng bộ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Hình thành và phát triển các trung tâm du lịch biển, nghỉ dưỡng, lịch sử, tâm linh, di sản, sinh thái,… mang tầm khu vực và quốc tế. Phát huy hiệu quả hành lang kinh tế Đông - Tây. Đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản; phát triển các trung tâm dịch vụ

hậu cần và hạ tầng nghề cá. Nâng cao năng lực phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại của thiên tai; chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Vùng Tây Nguyên: Nâng cao hiệu quả các diện tích cây công nghiệp, cây dược liệu, hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến, bảo quản và phân phối, xây dựng thương hiệu sản phẩm trên thị trường quốc tế. Chú trọng khôi phục và phát triển kinh tế rừng. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng của vùng. Phát triển bền vững ngành công nghiệp alumin và nhôm, bảo đảm tuyệt đối an toàn về môi trường. Tạo điều kiện thuận lợi phát triển năng lượng tái tạo. Phát triển các trung tâm du lịch lớn, hình thành các tuyến du lịch chuyên đề đặc thù vùng Tây Nguyên. Chú trọng khôi phục và phát triển kinh tế rừng. Đầu tư, nâng cấp các tuyến giao thông, rút ngắn thời gian và khoảng cách kết nối các tỉnh Tây Nguyên với các địa phương, đô thị ven biển.

Đối với thành phố Đà Nẵng, Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/1/2019 của Bộ Chính trị về về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra tầm nhìn, mục tiêu phát triển như sau:

Mục tiêu tổng quát đến năm 2030: Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ; là một trong những trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học - công nghệ phát triển của đất nước; trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế; thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên; trở thành đô thị sinh thái, hiện đại và thông minh, thành phố đáng sống, có tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, chính quyền tiên phong trong đổi mới và phát triển, người dân có mức sống thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước với chất lượng cuộc sống tốt, thân thiện, hạnh phúc và sáng tạo; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

Tầm nhìn đến năm 2045: Thành phố Đà Nẵng trở thành đô thị lớn, sinh thái và thông minh, là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á.

Thực hiện nghị quyết của Đảng, với khát vọng phát triển tương xứng với tiềm năng, các địa phương Vùng Miền Trung đều đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân giai đoạn

2021 – 2025 cao trên 7%, trong đó có nhiều tỉnh tính toán tăng trưởng bình quân 5 năm đạt rất cao như Thanh Hóa 11%, Nghệ An 10,37%, thành phố Đà Nẵng 9 - 10%, Ninh Thuận 10 - 11%; Vùng Tây Nguyên dự kiến tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 7 - 8% (GRDP bình quân/người đến năm 2025 khoảng 85 triệu đồng).

Để thực hiện tầm nhìn, mục tiêu phát triển Khu vực Miền Trung – Tây Nguyên nói chung, thành phố Đà Nẵng nói riêng đòi hỏi phải có nguồn nhân lực đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ cao và có năng lực hội nhập quốc tế trong đó có năng lực tiếng Anh.

Theo Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ, định hướng phát triển nguồn nhân lực cao cho các cơ quan, doanh nghiệp, viện và trường đại học là ưu tiên được định ra trong quy hoạch phát triển nhân lực của Việt Nam nhằm đáp ứng khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập toàn cầu. Theo quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020 của Chính phủ, số nhân lực qua đào tạo ở bậc trên đại học được dự kiến là khoảng 200 ngàn người vào năm 2015 và tăng lên 300 ngàn người vào năm 2020. Theo đó, các đối tượng được đặc biệt quan tâm là cán bộ lãnh đạo đứng đầu các đơn vị và tổ chức, doanh nhân và giảng viên các trường đại học.

Phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn cao và khả năng ngoại ngữ thông thạo trong các lĩnh vực khác nhau như giảng dạy, kinh tế, pháp luật, chính trị, hợp tác quốc tế, du lịch, giải trí, dịch thuật là rất quan trọng. Đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, nhu cầu về ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh sẽ là lợi thế tất yếu và là nhu cầu cấp bách cho nguồn nhân lực chủ chốt để thúc đẩy phát triển ở tất cả các ngành và lĩnh vực. Vì vậy nhu cầu phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn và trình độ ngoại ngữ cao ở TP. Đà Nẵng và các tỉnh lân cận là rất cao.

- Nhu cầu của người học

Trong xu thế phát triển kinh tế và xã hội hiện nay, nhu cầu nhân lực có trình độ chuyên môn cao như thạc sĩ và tiến sĩ để phục vụ công tác nghiên cứu phát triển khoa học tại thành phố Đà Nẵng là rất lớn. Số sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có nhu cầu tiếp tục học ở bậc học cao hơn rất lớn.

Để tiếp tục góp phần đào tạo nguồn lực bậc trên đại học, trong khoảng thời gian từ 3/2018 đến 2/2021 Trường đã tiến hành nhiều cuộc khảo sát nhu cầu học thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh.

- Thời gian: 9/2020 đến 8/2021

- Địa bàn khảo sát: Tỉnh Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Nam, TP Đà Nẵng, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đối tượng khảo sát: doanh nghiệp và giảng viên và sinh viên ở một số trường đại học và phổ thông tại thành phố Đà Nẵng và các tỉnh lân cận.

- Kết quả: 84% trong số 210 người được khảo sát có dự kiến tiếp tục học Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh, trong số đó có 23% xác định cụ thể thời gian muốn học là trong vòng 12 tháng tới. Thông tin thu thập từ khảo sát trên cũng cho thấy nhu cầu theo học Chương trình Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh chủ yếu để:

+ Đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội Việt Nam đương đại nơi mà các đòi hỏi về trình độ ở người lao động ngày càng cao và cạnh tranh nghề nghiệp ngày càng gay gắt.

+ Có thể thăng tiến trong sự nghiệp cá nhân;

+ Nâng cao mức thu nhập và/hoặc trình độ học thuật;

+ Nâng cao khả năng NCKH, đáp ứng yêu cầu về cả kiến thức chuyên sâu lẫn học vị.

Kết luận: Các cuộc khảo sát đã khẳng định định hướng mở ngành Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh là cần thiết và khả thi, dựa trên nhu cầu cao của xã hội về nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập, toàn cầu hóa; phương hướng/kế hoạch phát triển của cơ sở đào tạo đã được Hội đồng trường quyết nghị thông qua.

- Nhu cầu phát triển của Trường

- Đáp ứng sự đa dạng trong các ngành nghề đào tạo và các bậc học, nhu cầu chọn ngành học sau đại học của sinh viên;

- Đảm bảo sự liên thông giữa đào tạo bậc đại học và sau đại học của Trường.

- Năng lực và kinh nghiệm của Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Duy Tân

Qua 26 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Duy Tân đã trở thành một trong những cơ sở giáo dục có uy tín, chất lượng trên nền tảng thực dạy, thực học; được xã hội đánh giá cao. Trường kiên trì theo đuổi triết lý giáo dục và mục tiêu đã đặt ra; hướng đến việc công nhận quốc tế, trên cơ sở phát huy các giá trị, thu hút và phát triển nguồn nhân lực nghiên cứu, sư phạm, quản lý và sinh viên đa dạng trong và ngoài nước. Với cơ sở vật chất, trang thiết bị và kỹ thuật phục vụ dạy và học tiên tiến, đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ sư phạm có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và tổ chức giảng dạy hơn 26 năm qua, Trường Đại học Duy Tân nói chung và Khoa Tiếng Anh nói riêng đã có đủ cơ sở và điều kiện để đào tạo bậc cao học, ngành Ngôn ngữ Anh.

PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo

Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

Được thành lập năm 1995, Khoa Tiếng Anh đã từng bước phát triển và ngày càng lớn mạnh. Khoa đã đào tạo được 25 khóa với hơn 2.600 sinh viên đã tốt nghiệp. Khoa hiện đang đào tạo gần 2000 sinh viên thuộc 2 chuyên ngành là Tiếng Anh Biên – Phiên Dịch và Tiếng Anh Du lịch. Ngoài ra, Khoa tiếng Anh còn giảng dạy tiếng Anh như Ngoại ngữ 2 cho Khoa tiếng Hàn và Khoa tiếng Trung, và tiếng Anh không chuyên cho tất cả các khoa khác trong Trường.

Kết quả thực hiện công tác đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh bắt đầu tuyển sinh từ năm 1996 và luôn là một trong ngành có số lượng sinh viên theo học cao nhất Trường.

Với chủ trương đào tạo gắn liền với thực tiễn, trong những năm qua, Khoa tiếng Anh đã có nhiều hoạt động thiết thực gắn kết với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức và hiệp hội ngành nghề trong và ngoài địa bàn thành phố Đà Nẵng; theo đó, Khoa thường xuyên mời các chuyên gia, nhà quản lý, nhà khởi nghiệp thành công, kinh doanh giỏi, vv… tham gia các hoạt động khoa học và đào tạo của Khoa, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp cho sinh viên, các hoạt động ngoại khóa của sinh viên, vv….. Các hoạt động này không chỉ giúp cho sinh viên có thêm các kiến thức từ thực tế cuộc sống mà còn tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi ra trường đồng thời giúp Khoa điều chỉnh chương trình đào tạo và nội dung giảng dạy cho phù hợp thực tiễn phát triển của đất nước

và địa phương. Được sự đầu tư đầy đủ từ Nhà trường, sinh viên Khoa tiếng Anh được học tập và nghiên cứu với đội ngũ giảng viên có trình độ và tâm huyết trong môi trường sư phạm hiện đại theo chuẩn quốc tế với cơ sở vật chất và trang thiết bị, học liệu đầy đủ, hiện đại, phong phú, đúng với phương châm giảng dạy là đào tạo gắn liền với thực tiễn, lấy thực hành làm trọng tâm, học gắn với doanh nghiệp. Do đó, hầu hết sinh viên ra trường đều có việc làm và được nhà tuyển dụng đánh giá cao về năng lực thực hành chuyên môn, khả năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm, và khả năng giao tiếp và hội nhập trong môi trường đa văn hóa. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm của Khóa 21 (2015 – 2019) là 82.83% và Khóa 22 (2016 – 2020) là 88.6%.

Từ năm 2017 đến năm 2020, số lượng sinh viên đăng ký và nhập học vào Khoa Tiếng Anh luôn chiếm trên 8.5 % số sinh viên đăng ký và nhập học vào Trường Đại học Duy Tân.

Bảng 5. *Kết quả tuyển sinh và đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học trong 05 khóa gần đây.*

Khóa	Năm	Số sinh viên được công nhận trúng tuyển	Số sinh viên được cấp bằng đại học
K20	2014-2018	814	146
K21	2015-2019	684	165
K22	2016-2020	313	247
K23	2017-2021	449	401
K24	2018-2022	480	281

2. Đội ngũ cán bộ, giảng viên

Giới thiệu chung về đội ngũ giảng viên cơ hữu Khoa Tiếng Anh

Số lượng giảng viên cơ hữu gồm 45 giảng viên trong đó:

- 01 phó giáo sư, tiến sĩ ngành đúng tham gia giảng dạy các môn cơ sở bắt buộc, chuyên ngành bắt buộc/ tự chọn;

- 01 giáo sư ngành gần tham gia giảng dạy các môn văn hóa, văn hóa-xã hội, giao thoa văn hóa;

- 05 tiến sĩ ngành đúng ngành đúng tham gia giảng dạy các môn cơ sở bắt buộc, chuyên ngành bắt buộc/ tự chọn;

- 02 tiến sĩ ngành gần tham gia giảng dạy môn chung (môn ngoại ngữ 2 tiếng Trung và tiếng Hàn);

- 34 thạc sĩ ngành đúng tham gia giảng dạy các môn cơ sở và chuyên ngành tự chọn/ bắt buộc.

Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ Thạc sĩ

Bảng 6. *Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ*

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SĐH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần
1	Tôn Nữ Mỹ Nhật, 1970, Phó Hiệu trưởng, Trường Ngoại ngữ - Trường Đại học Duy Tân	PGS, 2010	Tiến sĩ, Việt Nam, 2005	Ngôn ngữ Anh	Từ 2010, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế; Trường Đại học Quy Nhơn	2 đề tài cấp Bộ; 3 đề tài cấp Trường, 1 giáo trình, hơn 50 bài báo chuyên ngành	ENG601 ENG605 ENG608 ENG708
2	Trần Thị Minh Giang, Trưởng khoa Tiếng Anh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Ngôn ngữ Anh	Từ 2020 tại Đại Học Duy Tân	1 sách chuyên khảo, 16 bài báo chuyên ngành, 02 đề	ENG601 ENG603 ENG604 ENG607

						tài cấp trường	
3	Vương Thu Minh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ học		01 giáo trình	ENG606 ENG609 ENG701 ENG703 ENG704
4	Nguyễn Thị Hồng Nga		Tiến sĩ, Úc, 2014	Ngôn ngữ và nghiên cứu quốc tế		5 đề tài, 7 bài báo, 3 giáo trình	ENG602 ENG706 ENG709 ENG712
5	Lưu Thị Hương		Tiến sĩ Phillipines 2015	Tiếng Anh		04 đề tài; 01 giáo trình	ENG603 ENG711
6	Nguyễn Thị Minh Hạnh, Tổ trưởng bộ môn		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Ngôn ngữ Anh		01 đề tài, 20 bài báo	ENG606 ENG607 ENG608 ENG706

Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

Bảng 7. *Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ*

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SĐH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2009	Ngôn ngữ học đối chiếu	2010, ĐH Quy Nhơn	3, 22
2	Võ Duy Đức		TS, Úc, 2011	Ngôn ngữ Anh	2012, ĐH Quy Nhơn	2,21
3	Lê Nhân Thành		TS, Úc, 2015	PPGD Tiếng Anh	2016, ĐH Quy Nhơn	2,18
4	Nguyễn Tiến Phùng		TS, Úc, 2021	Ngôn ngữ Anh		1,12
5	Võ Đại Quang	PGS, 2006	TS, Việt Nam, 2000	Ngôn ngữ học đối chiếu	2001 ĐHNN ĐHQGHN	8, 13
6	Dương Bạch Nhật		TS, Việt Nam, 2007	Ngôn ngữ Anh	2010 ĐHNN Đà Nẵng	4, 22
7	Nguyễn Thị Mai Hương	PGS, 2020	TS, Anh, 2015	PPGD Tiếng Anh	2015 ĐHNN ĐHQGHN	4, 12

8	Nguyễn Quang Ngoạn	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2009	Ngôn ngữ Anh	2010, ĐH Quy Nhơn	4, 28
9	Ngô Hữu Hoàng	PGS, 2014	TS, Việt Nam, 2002	Ngôn ngữ học	2003 ĐHNN ĐHQGHN	7,46
10	Trần Văn Phước	PGS, 2006	TS, Việt Nam, 2002	Ngôn ngữ so sánh đối chiếu	2008, ĐHNN Huế	9, 87
11	Trương Bạch Lê		TS, 2004	Ngôn ngữ Anh	2008, ĐHNN Huế	3,26
12	Trần Quốc Thao		TS, Thái Lan, 2017	PPGD Tiếng Anh		3,67
13	Nguyễn Tất Thắng	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2009	Ngôn ngữ Anh	2011, ĐHNN Đà Nẵng; ĐH Quy Nhơn	6,34
14	Lê Văn Thịnh		TS, Úc, 2018	PPGD Tiếng Anh		1,14
15	Lò Văn Pấng		TS, Úc, 2017	PPGD Tiếng Anh		1,12
16	Ngô Đình Phương	PGS, 2009	TS, Việt Nam, 2004	Ngôn ngữ so sánh đối chiếu	2010, ĐH Vinh, ĐHNN ĐHQG Hà Nội	6,34

Danh sách cán bộ quản lý ngành đào tạo

Số lượng cán bộ cơ hữu quản lý ngành đào tạo: 04 người.

Bảng 8. *Danh sách cán bộ cơ hữu quản lý ngành đào tạo*

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Tôn Nữ Mỹ Nhật, Phó hiệu trưởng	Phó giáo sư, 2010	Ngôn ngữ Anh	
2	Hoàng Thị Hường, Phó hiệu trưởng thường trực	Tiến sĩ, 2018	Quản lý giáo dục	
3	Hồ Văn Nhàn, Trưởng ban Sau đại học	Tiến sĩ, 2010	Kinh tế	
4	Hà Thị Như Hằng, Phó ban Sau đại học	Tiến sĩ, 2015	Hệ thống thông tin	

3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Khoa tiếng Anh được bố trí văn phòng Khoa tại phòng 303, số 03 Quang Trung, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu – Thành phố Đà Nẵng. Các phòng học, phòng hội thảo, phòng seminar được bố trí dùng chung với hệ thống các phòng chức năng của Trường. Các phòng đều được trang bị máy vi tính, máy chiếu, loa đài, micro hiện đại, nhằm phục vụ tốt nhất cho học viên. Thư viện ĐH Duy Tân có kết nối với cơ sở dữ liệu của nhiều đại học, viện nghiên cứu, nhà xuất bản trong nước và trên thế giới, nên có nhiều đầu sách phục vụ công tác đào tạo theo chương trình thạc sĩ Ngôn ngữ Anh. Hệ thống kết nối cũng tạo đều kiện cho việc truy cập nguồn tạp chí nghiên cứu chuyên ngành Ngôn ngữ Anh vô cùng phong phú trên thế giới.

4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Qua 26 năm xây dựng và phát triển, Khoa tiếng Anh đã đạt được nhiều kết quả khả quan trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội nghị/hội thảo và tọa đàm khoa học thuộc lĩnh vực ngôn ngữ nước ngoài, thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học và nhiều công bố khoa học của đội ngũ và người học. Đặc

biệt, trong những năm gần đây, khoa chú trọng phát triển các công bố quốc tế trên các tạp chí có uy tín thuộc danh mục ISI và Scopus.

4.1. ***Đề tài khoa học của giảng viên đã thực hiện***

Bảng 9: *Danh mục các đề tài khoa học của giảng viên*

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
Tôn Nữ Mỹ Nhật				
1	Thực trạng và các biện pháp nâng cao kết quả dạy và học tiếng Anh ở bậc trung học cơ sở, Tỉnh Bình Định.	Bộ B2007.28.11	1/2007-12/2007	Tốt
2	Nghiên cứu dạy và học tiếng Anh ở bậc tiểu học ở Tỉnh Bình Định	Bộ B2010-28-23	1/2010 - 12/2011	Tốt
3	Nghiên cứu tiềm năng dạy các môn khoa học cơ bản bằng tiếng Anh tại trường Đại học Quy Nhơn: Thực trạng và giải pháp	Trường 2016	T2015.484.29	Tốt
Nguyễn Thị Hồng Nga				
4	Discourse markers in conversations by Vietnamese learners of English across levels of proficiency	Bộ Giáo Dục và Đào Tạo. Số 440/GTT-ĐTVNN	2010-2014	Tốt
5	Last Rights? Supporting End-of-life Care in a Culturally Diverse Society	Australian Research Council (ARC) Discovery Early Career Researcher	2016-2017	Hoàn thành

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
		Award (DECRA)		
6	Assessing Academic Success Literacy Activity	Khoa giáo dục, trường ĐH Nam Úc	2020-2021	Hoàn thành
Lưu Thị Hương				
7	Bộ đề thi trắc nghiệm môn tiếng Anh học phần II giáo trình Business Basic	Trường	Số 301A/QĐ-CĐKT ngày 24/6/2010	Loại A
8	Đề cương bài giảng, bài giảng gốc, hệ thống câu hỏi môn tiếng Anh chuyên ngành hệ Cao đẳng	Trường	Số 44/QĐ-CĐKT ngày 30/6/2011	Loại A
9	Giáo án điện tử môn tiếng Anh học phần 2	Trường	Số 359/QĐ-CĐKT ngày 20/6/2012	Loại A
10	Giáo trình tiếng Anh chuyên ngành học phần III	Tỉnh	Số 214/QĐ-HĐSK ngày 26/10/2015	Khá
Trần Thị Minh Giang				
11	Giáo trình tiếng Anh 1 (Headway)	Trường	2006	Tốt
12	Giáo trình tiếng Anh 2 (Headway)	Trường	2007	Tốt
13	Giáo trình tiếng Anh 3	Trường	2008	Tốt

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
	(Headway)			

4.2. ***Các công trình công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu***

Bảng 10. *Các công trình khoa học đã công bố của đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo*

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
1	Phân tích diễn ngôn đa thức: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn	*Tôn Nữ Mỹ Nhật*	2015; Kỷ yếu *Hội thảo Khoa học Ngữ Học Toàn Quốc*, ĐH Sài Gòn, tr. 227-236.	
2	"Chương trình ngôn ngữ sư phạm Anh": Từ những góc nhìn lý luận và thực tiễn.	*Tôn Nữ Mỹ Nhật*	2015; Ngôn ngữ và đời sống, số 6.	
3	Ý nghĩa bổn phận trong *Luân lý giáo khoa thư*	*Tôn Nữ Mỹ Nhật*	2015; Ngôn ngữ và đời sống, số 8.	
4	Quốc văn giáo khoa thư' với những giá trị giáo dục vượt thời gian – nhìn từ những đặc trưng ngôn ngữ	*Tôn Nữ Mỹ Nhật*	2016; Ngôn ngữ, số 1	
5	Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc và bài toán chất lượng giáo dục ngoại ngữ ở Việt Nam	*Tôn Nữ Mỹ Nhật*	2016; Tạp chí Khoa học, Trường ĐH Phú Yên, số 12: 61-68	
6	Từ khung tham chiếu chung Châu Âu đến khung năng lực ngoại ngữ	*Tôn Nữ Mỹ Nhật*	2016; Ngôn ngữ, số 7: 37-48.	

	6 bậc dùng cho Việt Nam			
7	Phân tích diễn ngôn đa thức: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn	*Tôn Nữ Mỹ Nhật* (đồng tác giả)	2016; Ngôn ngữ & Đời sống, số 9.	
8	"Nghiên cứu tiềm năng dạy một số môn khoa học cơ bản ở năm cuối đại học bằng tiếng Anh: điển cứu tại Đại học Quy Nhơn"	(đồng tác giả)	2016; Tạp chí Khoa học, ĐH Quy Nhơn, Tập 10, số 3, tr. 37-50.	
9	Khung tham chiếu Châu Âu: từ lý luận đến thực tiễn	*Tôn Nữ Mỹ Nhật*	2017; Tạp chí Khoa học, Trường ĐH Quy Nhơn, số 6, 2017.	
10	"Đồng dao: Nghiên cứu so sánh từ cơ sở phân tích diễn ngôn đa thức – chức năng hệ thống."	*Tôn Nữ Mỹ Nhật*	2017; Tạp chí Khoa học *Ngôn ngữ và Văn hóa*, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, Tập 1, Số 1, 2017:47-58.	
11	A multimodal analysis of mathematical discourse in English for young learners	*Tôn Nữ Mỹ Nhật*	2017; VNU Journal of Foreign Studies, University of Languages and International Studies, Vol.33 – No.6, 2017: 93-101.	
12	Lexical loads of mathematical discourse for young learners: a step towards vocabulary evaluation of multi-semiotic discourse	*Tôn Nữ Mỹ Nhật*	2017; Tạp chí Khoa học *Ngôn ngữ và Văn hóa*, Trường Đại học Ngoại ngữ, Huế, Tập 1, Số 3, 2017:62-72.	
13	Insights into international publication: a synthesis of	*Tôn Nữ Mỹ Nhật*	2019; VNU Journal of Foreign Studies, University	

	move-based literature on the research article genre		of Languages and International Studies, Vol.35 – No.1, 2019: 84-99.	
14	"A syntactic analysis of English short stories for children".	*Tôn Nữ Mỹ Nhật* (đồng tác giả)	2019; Tạp chí Khoa học, Trường ĐH Quy Nhơn, Tập 13, Số 2: 15-29.	
15	Exploring text-image relations in English comics for children: the case of 'Little Red Riding Hood	*Tôn Nữ Mỹ Nhật* (đồng tác giả)	2019; VNU Journal of Foreign Studies, University of Languages and International Studies, Vol.35 – No.3, 2019: 127-138.	
16	"Epistemic modality in Ted Talks on Education"	*Tôn Nữ Mỹ Nhật* (đồng tác giả)	VNU Journal of Foreign Studies, University of Languages and International Studies, Vol.35 – No.4, 2019: 76-92.	
17	A study on modality in English-medium research articles	*Tôn Nữ Mỹ Nhật* (đồng tác giả)	2020; VNU Journal of Foreign Studies, University of Languages and International Studies, Vol.36, No.6,	
18	Syntactic features of Modality in Research Articles from a comparative perspective	*Tôn Nữ Mỹ Nhật* (đồng tác giả)	2020; Quangnam University Journal of Science, Issue 19, pp. 48-60	
19	*A proposed revised version of the scoring rubrics of VTEP 3-5 level*	*Tôn Nữ Mỹ Nhật*	2021; Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân 01 (45) - 1-9	
20	Triết lý giáo dục 8 H	*Tôn Nữ Mỹ Nhật*	2021; Sách "Những vấn đề về triết lý giáo dục Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại",	

			Trần Ngọc Thêm (chủ biên), Nxb Đại học Quốc Gia TP. HCM, 2021, tr. 532-551.	
21	Semantic features of modality in research articles: A comparative study between indexed and non-indexed journals.	*Tôn Nữ Mỹ Nhật*	*Journal of Inquiry into Languages and Cultures, ,* Vol. 5, No.1: 62-72.	
22	Gender Representation in Children's Stories: A Transitivity Analysis.	*Tôn Nữ Mỹ Nhật* (đồng tác giả)	2021; VNU Journal of Foreign Studies, University of Languages and International Studies, Vol. 37, No. 4: 85-96	
23	How to help to learn medical terms effectively	TS. Vương Thị Thu Minh	2018 Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ	
24	"Academic Writing At Universities – A Shift Of Balance From Reproduction To Critical Analysis"	TS. Lưu Thị Hương	2019, International Journal of Scientific and Research Publications, 9(6), pp.805-808	
25	"A Study of Syntactic Features of Cognitive Non-Factive Verb and Epistemic Adverb Collocations in English and Their Vietnamese Equivalents	Trần Thị Minh Giang	2016, *International Journal of Mind, Brain & Cognition,* 7(1-2), pp. 35-58	

26	Đặc trưng ngữ nghĩa của những kết ngôn giữa động từ tri nhận phi thực hữu và trạng từ nhận thức (trên cứ liệu tiếng Anh và đối dịch tiếng Việt	Trần Thị Minh Giang	2017, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia 2017- *Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ, quốc tế hoc tại Việt Nam,* tr. 465-475	
27	Những cử chỉ sử dụng tay dễ gây sốc trong giao tiếp phi ngôn từ ở Việt Nam	Trần Thị Minh Giang	2017, số 5. Tạp chí khoa học công nghệ trường Cao đẳng sư phạm Đaklak	
28	Pragmatic features of the structure I + cognitive non-factive verb and epistemic adverb collocations	Trần Thị Minh Giang, Lưu Quý Khương	2018, University of Languages and International Studies – VNU, 4(34), pp. 59-70	
28	Difficulties encountered by English-majored students of Dak Lak college of pedagogy in using the English structure 'I + cognitive non-factive verb and epistemic adverb collocations' in communication	Trần Thị Minh Giang	2018, The first international conference of linguistics in Vietnam – 2018 (ICLV), Linguistics in Vietnam – the stages of development and international integration, The University of Danang, University of Education & Institute of Linguistics Vietnam Academy of Social Sciences	
30	A study of semantic features of the structure I + cognitive non-factive verb and epistemic adverb collocations	Trần Thị Minh Giang	2018, *International Journal of Communication.* India. vol 28, N0.1-2, Jan. - Dec., pp. 94-123.	

31	*Linguistic features of the structure "I + cognitive non-factive verb and epistemic adverb collocations*	Trần Thị Minh Giang	2019, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.	
32	Semantic features based on deduction of collocations of cognitive non-factive verbs and epistemic adverbs	Trần Thị Minh Giang	*2020, DTU Journal of Science & Technology.* 02(39), pp. 97-106.	
33	Obstacles encountered by English-majored students at Duy Tan University in using English collocations built on the pattern 'I + cognitive non-factive verb and epistemic adverb' for communication	Trần Thị Minh Giang	2020, The 5th VietTesol International Convention 2019, University of Foreign Languages- Hue University. October 11-12, 2019. *DTU Journal of Science & Technology* 05(42), pp. 132-145	
34	Empowering English-majored students at Duy Tan university through project–based learning to upgrade their graduation theses	Trần Thị Minh Giang	2020, Proceeding: The 8th international research on PBL scopus conference in Aalborg, Denmark on 18th August 2020, pp.237-247	
35	English-majored students' barriers in using the pattern 'I+cognitive non-factive verb and epistemic adverb collocations': a case of a Vietnamese	Trần Thị Minh Giang	2020, *Journal of Language and Life.* Vol. 11b (305), pp. 97-106	

	university			
36	Impact of Project Based Learning Approach on Higher Education in Teaching Communication Skills: A Case in Vietnam	Trần Thị Minh Giang	2021, Proceeding: 8th International Research Symposium on PBL (IRSPBL), Aalborg, Denmark, 15-17 August, 2021 pp. 105-119.	
37	The Impact of Digitalization for Higher Education: A Case in Vietnam	Trần Thị Minh Giang	2022, *DTU Journal of Science & Technology* 05(54), pp. 3-8	
38	Problematizing "Planning Ahead": A Cross-Cultural Analysis of Vietnamese Health and Community Workers' Perspectives on Advance Care Directives.	Nguyen, N., Zivkovic, T., de Haas, R., & Faulkner, D.	Qualitative Health Research (SAGE Publications Inc) 2021-08-07 | journal-article DOI: 10.1177/10497323211023453	
39	DDD15- Manchester Metropolitan University, UK. Research title: Diversifying advance care planning and problematising the individual: A Vietnamese intervention into Anglophone thinking.	Nguyen, N., Zivkovic, T., de Haas, R., & Faulkner, D.	09-2021 | Manchester Metropolitan University, UK.	
40	Thanking in Vietnamese and Australian English	Toan Anh Pham & Nga Thi	Language and Life 2015 | journal-article	

		Hong Nguyen		
41	Hedging in communication by vulnerable communities	de Haas, R., Nguyen, N., Zivkovic, T. & Faulkner, D.	Đang review	
42	Nghiên cứu vị trí và chiến lược đề xuất sửa chữa các yếu tố gây trở ngại hội thoại từ người nghe trong hội thoại tiếng Anh và tiếng Việt	Nguyễn Thị Minh Hạnh	2012, Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học toàn quốc.	
43	Đề xuất những biện pháp nhằm cải thiện khả năng nói tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ	Nguyễn Thị Minh Hạnh	2015, Kỷ yếu *"Hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường Đại học Sư phạm toàn quốc"* tại trường ĐH Sư Phạm Hà Nội 2.	
44	Positions and strategies of self-repair in English and Vietnamese conversations	Nguyễn Thị Minh Hạnh	2015, Journal of Science and Technology 12 (97) 2015 Volume 1 ISSN 1859-1531	
45	Strategies and functions of other-repair in English and Vietnamese conversations	Nguyễn Thị Minh Hạnh	2016, The University of Danang, Journal of Science and Technology 6 (103) 2016 ISSN 1859-1531	
46	Repair strategies in English conversations and their application in teaching English interaction skill to B2 level learners	Nguyễn Thị Minh Hạnh	Hội thảo Quốc tế *"Innovations in English Language Teaching and Learning" (TESOL)* tại trường ĐH Quy Nhơn tháng 8/2016.	

47	Lời thoại sửa lỗi trong phim truyền hình Việt Nam: Một cách tiếp cận dụng học	Nguyễn Thị Minh Hạnh	2016, Ngôn ngữ & đời sống, Tạp chí của Hội Ngôn ngữ học Việt Nam số 11 (253) 2016; ISSN 0868-3409	
48	Chiến lược điều chỉnh khúc mắc do người nghe thực hiện trong lời thoại phim tiếng Anh	Nguyễn Thị Minh Hạnh	2017, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh lần thứ 1 tại Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia Hà Nội, tháng 8/2017	
49	Nhận diện chiến lược điều chỉnh khúc mắc trong hội thoại phim tiếng Anh và đề xuất ứng dụng trong giảng dạy kỹ năng tương tác tiếng Anh cho người học cấp độ B2	Nguyễn Thị Minh Hạnh	2017, Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài, Tập 33, Số 4 (2017) 1-12	
48	Pragmatic functions of self-repair in conversations from Vietnamese television films	Nguyễn Thị Minh Hạnh	2018, Hội thảo Quốc tế Nghiên cứu Liên ngành về Ngôn ngữ và Giảng dạy Ngôn ngữ lần IV ngày 25-26/10/2018 tại Trường ĐH Ngoại ngữ Huế	
49	Chức năng dụng học của lời thoại được sửa lỗi do người nói thực hiện trong phim truyền hình Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Hạnh	2018, Tạp chí Khoa học số 13, ISSN 0866-7586 Trường ĐH Quảng Nam. (12/2018)	
50	Chức năng dụng học của	Nguyễn Thị	2019, Tạp chí Khoa học số	

	phần tự điều chỉnh lời thoại trong phim truyền hình	Minh Hạnh	37, ISSN 0866-7675 Trường ĐH Đồng Tháp (4/2019)	
51	Pragmatic functions of self-repair in conversations from Vietnamese television films	Nguyễn Thị Minh Hạnh	2019, Journal of Inquiry into Languages and Cultures Vol. 3, No 2, 2019	
52	Some ways of improving students' writing a research proposal	Nguyễn Thị Minh Hạnh	2020, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học "Nghiên cứu và Giảng dạy Ngôn ngữ", trường ĐH Quảng Nam 07/2020	
53	Syntactic features of other-repair in conversations from English television films	Nguyễn Thị Minh Hạnh	2022, Tạp chí số 54, tháng 10/2022, Trường ĐH Duy Tân	

4.3. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và dự kiến người hướng dẫn:

Bảng 11. *Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và dự kiến người hướng dẫn*

Hướng nghiên cứu đề tài luận văn	Dự kiến người hướng dẫn:
Phân tích diễn ngôn phê phán	PGS.TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật TS. Trần Thị Minh Giang
Phân tích diễn ngôn đa thức	PGS.TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật TS. Nguyễn T Hồng Nga
Phân tích thể loại diễn ngôn	PGS.TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật TS. Vương Thị Thu Minh
Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa	TS. Lưu Thị Hương TS. Nguyễn T Hồng Nga

Nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội	TS. Vương Thị Thu Minh PGS.TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật
Ngôn ngữ học đối chiếu – Tiếng Anh và Tiếng Việt/ Trung/ Hàn/ Nhật.	TS. Lưu Thị Hương PGS.TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật
Đặc điểm và chức năng của Tiếng Anh như ngôn ngữ toàn cầu	TS. Nguyễn T Hồng Nga PGS.TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật
Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa	TS. Nguyễn T Hồng Nga TS. Vương Thị Thu Minh
Nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội	TS. Nguyễn T Hồng Nga TS. Lưu Thị Hương
Ngôn ngữ học đối chiếu – Tiếng Anh và Tiếng Việt	TS. Vương Thị Thu Minh TS. Lưu Thị Hương
Ngữ pháp – Từ vựng	TS. Vương Thị Thu Minh TS. Lưu Thị Hương
Văn hóa Anh	TS. Vương Thị Thu Minh TS. Lưu Thị Hương
Tiếng Anh học thuật	TS. Lưu Thị Hương TS. Vương Thị Thu Minh
Nghiên cứu về tình thái	T.S Trần Thị Minh Giang T.S. Nguyễn Thị Minh Hạnh
Ngôn ngữ học tri nhận	T.S Trần Thị Minh Giang T.S. Nguyễn Thị Minh Hạnh
Nghiên cứu về đặc trưng ngôn ngữ: Cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng	T.S Trần Thị Minh Giang T.S. Nguyễn Thị Minh Hạnh

5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, tạo điều kiện để Trường đại học phát triển bền vững, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Trường Đại học Duy Tân luôn chú trọng phát triển công tác hợp tác quốc tế.

5.1. Các dự án hợp tác quốc tế

- Trường Đại học Duy Tân đã liên kết hợp tác với các trường đại học danh tiếng ở Mỹ để chuyển giao chương trình đào tạo như Đại học Carnegie Mellon (CMU); Đại học Bang Pennsylvania; Đại học Bang California ở Fullerton - trường lớn nhất hệ thống Đại học Bang California cùng Cal Poly, San Luis Obispo (CSU - CalState); Đại học Purdue. Các trường đại học này đã chuyển giao chương trình đào tạo và tập huấn phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên của Trường từ năm 2008 nên toàn bộ chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy của Trường được cập nhật theo đúng chuẩn quốc tế.

- Từ năm 2010, Đại học Duy Tân chính thức triển khai các chương trình du học 2+2 (2 năm đầu ở Duy Tân và 2 năm sau tại Mỹ hoặc Canada), 1+1+2 (1 năm đầu tại Duy Tân và 3 năm sau tại Mỹ) và 3+1 (3 năm đầu tại Duy Tân và 1 năm sau học tại Singapore hoặc Anh Quốc). Đặc biệt, trong năm 2017, Đại học Duy Tân đã tạo nên một cột mốc mới ở miền Trung khi chính thức ký kết với Đại học Troy và Đại học Keuka (Mỹ), mang đến cho sinh viên Việt Nam cơ hội nhận bằng quốc tế khi học tập ngay tại Đà Nẵng. Đây cũng là một trong những bước đi quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo của Đại học Duy Tân. Ở bậc đào tạo sai đại học, Trường Đại học Duy Tân liên kết đào tạo thạc sĩ với Trường Đại học Fooyin (Đài Loan).

- Các dự án hợp tác quốc tế khác với National Institute of Information Technology (NIIT), India; Open University (OU), Anh; Association of Chartered Certified Accountants (ACCA), Anh; Singapore Polytechnic, Singapore; San Jose State University, Fresno Pacific University, Cleveland State University (Hoa Kỳ), Nanyang Technology University (Singapore), Rangsit University, College of Asian Scholars (Thái Lan), v.v...

5.2. Công tác đối ngoại, xây dựng quan hệ quốc tế

Hình thành được một mạng lưới các trường đại học trong khối ASEAN để hỗ trợ sinh viên hội nhập thị trường lao động ASEAN thông qua việc đồng sáng lập tổ chức Passage to ASEAN (P2A) từ năm 2012. Hiện nay sinh viên Trường Đại học Duy Tân được gửi đi thực tập làm việc tại các nước ASEAN thông qua mạng lưới này. Khoa tiếng Anh là đơn vị nòng chốt trong việc xây dựng và tổ chức hoạt động của P2A.

Tranh thủ tiếp nhận sự hỗ trợ từ các cá nhân, các tổ chức giáo dục, các tổ chức phi chính phủ:

- Tổ chức NMCP (Hà Lan), sau này đổi tên là PUM đã gửi chuyên gia sang giảng dạy tiếng Anh, marketing, quản lý khách sạn cho sinh viên và giảng viên từ năm 1998.

- Tổ chức Book Aid International gửi tặng Thư viện 92 đầu sách tiếng Anh.

- Lãnh sự quan Hàn Quốc đã tặng Thư viện hàng trăm đầu sách trong năm 2020 và 2021.

- Tổ chức tình nguyện quốc tế (GVN) và tổ chức tình nguyện châu Á (VIA) đã cử giảng viên sang dạy tiếng Anh, kể từ năm 2002.

- Tổ chức giảng viên tình nguyện ELIC gồm các giảng viên đến từ Mỹ, Canada, Anh… tham gia giảng dạy tại khoa Tiếng Anh từ năm 2020.

- Trường Singapore Polytechnic giúp huấn luyện giảng viên các khoa Xây dựng, Kiến trúc, hàng năm tiếp nhận khoảng 6 giảng viên và đã gửi tặng một số thiết bị, sách nghiên cứu cho Thư viện, kể từ năm 2006. Ngoài ra, hai trường cũng có chương trình trao đổi sinh viên, theo đó, hàng năm trường Singapore Polytechnic gởi các sinh viên qua Việt Nam, kết hợp với sinh viên Trường Đại học Duy Tân để thực hiện các hoạt động cộng đồng tại thành phố Đà Nẵng.

- Mời các giáo sư, tiến sỹ Việt kiều về thăm và hỗ trợ Đại học Duy Tân, đáng chú ý là các GS. Ngô Vĩnh Long (Đại học Maine – Hoa Kỳ), GS.TS Cao Hữu Trí (Đại học San Jose – Hoa Kỳ), TS. Nguyễn Hữu An (Hoa Kỳ), TS. Nguyễn Trường Hải (Hoa Kỳ), GS. Hà Dương Tường (Đại học Công nghệ Compiegne - Pháp), TS. Ngô Viết Nam Sơn (Đại học Washington), KTS. Nguyễn Hữu Thái (Canada), vv…

- Giáo sư, tiến sỹ Krasae Chanawongse, nguyên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Thái Lan, đồng ý làm cố vấn danh dự cho Đại học Duy Tân.

- Thông qua đội ngũ cán bộ nghiên cứu có trình độ tiến sĩ đã tốt nghiệp từ các trường có uy tín ở Mỹ, Nga, Pháp, Đức, Canada, Hàn Quốc, Vương quốc Bỉ, ... đã xây dựng được một mạng lưới gồm đông đảo các nhà khoa học đầu ngành trên khắp thế giới góp sức nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, tổ chức nhiều hội nghị khoa học quốc tế tại Trường.

5.3. Tổ chức tham quan, học tập nước ngoài

Kể từ năm 1998, Trường đã cử các đoàn công tác đi thăm, tìm hiểu và thiết lập quan hệ hợp tác với các trường đại học và tổ chức giáo dục ở Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore, Malaysia, Mỹ, Đức, vv...

5.4. Tổ chức đón tiếp những tổ chức giáo dục quốc tế đến thăm

- Trường đã ký kết MOU với nhiều trường đại học nước ngoài, trong đó có nhiều trường nổi tiếng như Carnegie Mellon, Penn State, Calpoly, Seattle Pacific (USA), AIT, Phranakhon Rajabhat, Rangsit (Thái), Singapore Polytechnic (Singapore).

- Thiết lập mối quan hệ với các tổ chức từ thiện quốc tế như dự án đã ký kết MOU với thầy Thích Chân Thiện (Hội Từ thiện Việt Mỹ), dự án giúp đỡ sinh viên nghèo với tổ chức Passerelles Numériques.

- Đã đón hàng trăm đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc với trường; tổ chức thành công nhiều buổi giao lưu với sinh viên, học sinh quốc tế với sinh viên Trường Đại học Duy Tân trong đó phần lớn là sinh viên của các khoa đào tạo ngôn ngữ nước ngoài.

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đăng kí đào tạo:
    + Tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh
    + Tiếng Anh: English
- Mã ngành: 8220201
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
    + Tiếng Việt: Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh
    + Tiếng Anh: The Degree of Master in English

1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

- Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Duy Tân;

- Quyết định số 1704/GD-TTg ngày 2/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình Trường Đại học Duy Tân;

- Quyết định số 83/QĐ-TTg ngày 16/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ cho Trường Đại hcoj Duy Tân;

- Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục Đại học sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo quy định về "*Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ*";

- Thông tư số 09/2017/TT-BGD ĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ;

- Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Quyết định số 2386/QĐ-ĐHDT ngày 21/8/2014 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Duy Tân;

- Quyết định số 786/QĐ-ĐHDT ngày 04/2/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân về việc thành lập Ban soạn thảo đề án mở ngành đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ;

Đối chiếu với những văn bản nêu trên, Trường ĐHDT có đủ cơ sở pháp lý cho việc xây dựng Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ.

1.3. Tóm tắt về chương trình đào tạo

Đề án mở ngành đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ được xác định theo hướng ứng dụng; thời gian đào tạo 24 tháng với tổng số 60 tín chỉ.

1.3.1. Mục tiêu

1.3.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Ngôn ngữ Anh nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong và nâng cao lĩnh vực khoa học chuyên ngành và kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo. Cụ thể:

- Trang bị cho người học kiến thức nâng cao về ngôn ngữ Anh và các khoa học có liên quan, mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Anh như bản ngữ cũng như tiếng Anh được sử dụng như ngôn ngữ toàn cầu. Trên cơ sở đó người học vận dụng một cách chủ động, sáng tạo vào nghiệp vụ chuyên ngành tiếng Anh như biên dịch, phiên dịch, giảng dạy, trong các phạm vi, điều kiện và hoạt động công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước.

- Đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

1.3.1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Anh của Đại học Duy Tân có những mục tiêu cụ thể sau:

***Về kiến thức*:**

PO 1: Trang bị ở người học kiến thức nền tảng chung về triết học, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước;

PO 2: Trang bị cho người học những kiến thức nâng cao và chuyên sâu về lý luận và thực hành ngôn ngữ Anh và các khoa học có liên quan;

PO 3: Mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Anh, giúp người học có trình độ nghiệp vụ cao để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như giảng dạy tiếng Anh, biên-phiên dịch, để trên cơ sở đó người học vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào nghiệp vụ biên dịch, phiên dịch và giảng dạy tiếng Anh trong các phạm vi, điều kiện và hoạt động công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước.

PO 4: Trang bị kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành ngôn ngữ học ứng dụng;

PO 5: Cung cấp kiến thức cơ bản và phát triển kỹ năng thực hành ngoại ngữ 2 (tiếng Trung, Hàn, Nhật), và kiến thức nâng cao về CNTT.

Về kỹ năng

PO 6: Trang bị cho người học kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan ngôn ngữ Anh theo hướng tiếp cận tri thức hiện đại của khu vực và thế giới;

PO 7: Phát triển các kỹ năng thực hành tiếng Anh, kỹ năng thực hành ngoại ngữ 2 (tiếng Trung, Hàn, Nhật), và ứng dụng CNTT;

PO 8: Phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu;

PO 9: Trang bị kỹ năng mềm nhằm phát triển các năng lực cá nhân phù hợp với môi trường công việc, sáng tạo và năng động;

Về mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm

PO 10: Xây dựng và phát triển ở người học tinh thần khởi nghiệp, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một cán bộ ngoại ngữ, có trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ nghiêm túc, đúng đắn về nghề nghiệp, luôn tuân thủ các quy tắt nghề nghiệp; có các phẩm chất chính trị vững vàng; có tinh thần sẵn sang phục vụ nhân dân trong quá trình thực hiện các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

1.3.1.3 Về các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

- Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh có thể đảm nhận các vị trí công tác tại các cơ quan, viện nghiên cứu về các vấn đề có liên quan đến Ngôn ngữ Anh như cán bộ nghiên cứu khoa học ngành ngôn ngữ, ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu viên biên dịch, phiên dịch tiếng Anh tại các đơn vị trong và ngoài nhà nước; chuyên gia tư vấn thiết kế chương trình dịch thuật tự động; giáo viên tiếng Anh ở các trường trung học phổ thông, giảng viên tiếng Anh tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên ngoại ngữ v.v…

1.3.2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Một học viên tốt nghiệp chương trình thạc sĩ ngôn ngữ Anh phải đạt được:

1.3.2.1. Về kiến thức

PLO 1: Kiến thức nền tảng chung về triết học và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước;

PLO 2: Kiến thức nâng cao và chuyên sâu về lý luận ngôn ngữ Anh và và các khoa học có liên quan; Năng lực mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói

tiếng Anh, để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn; năng lực vận dụng kiến thức chuyên ngành một cách chủ động, sáng tạo trong các hoạt động, công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước;

PLO 3: Kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành ngôn ngữ học ứng dụng để người học có độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Anh: Các vấn đề về lý thuyết ngữ pháp tiếng Anh, ngữ nghĩa học tiếng Anh, ngữ dụng học tiếng Anh, ngôn bản tiếng Anh, đối chiếu ngôn ngữ Anh-Việt, giao tiếp giao văn hoá Anh-Việt và các vấn đề chuyên môn khác.

PLO 4: Năng lực thực hành ngôn ngữ Anh Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc của Việt Nam;

PLO 5: Năng lực ngoại ngữ 2 (tiếng Trung, Hàn, Nhật) Bậc 4 (CEFR), và kiến thức nâng cao về CNTT.

1.3.2.2. Về kỹ năng

PLO 6: Khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan ngôn ngữ Anh theo hướng tiếp cận tri thức hiện đại để thực hiện các dự án chuyên ngành, liên ngành, có thể đảm nhận các nhiệm vụ nghiên cứu tiếng Anh vì những mục đích ứng dụng chuyên biệt - biên dịch, phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành ở trình độ cao; giảng dạy tiếng Anh ở trình độ nâng cao; giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành tại các học viện, trường đại học và cao đẳng;

PLO 7: Kỹ năng thực hành tiếng Anh Bậc 5 (C1), kỹ năng thực hành ngoại ngữ 2 (tiếng Trung, Hàn, Nhật) Bậc 4 (B2), và ứng dụng CNTT;

PLO 8: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao, đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch;

PLO 9: Kỹ năng mềm nhằm phát triển các năng lực cá nhân phù hợp với môi trường công việc, sáng tạo và năng động: giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện; năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có

giá trị; có năng lực phát huy tí tuệ tập thể trong hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao;

1.3.2.3. Về mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

PLO 10: Tinh thần khởi nghiệp, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp cần thiết của một cán bộ ngoại ngữ, tinh thần bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; thái độ nghiêm túc, đúng đắn về nghề nghiệp; phẩm chất chính trị vững vàng; ý thức sẵn sàng phục vụ nhân dân trong quá trình thực hiện các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

Bảng 12. *Đối sánh các mục tiêu và chuẩn đầu ra*

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
PLO1	✓									
PLO2		✓	✓							
PLO3				✓						
PLO4				✓	✓		✓			
PLO5					✓					
PLO6						✓				
PLO7							✓			
PLO8	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
PLO9	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
PLO10	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

1.3.3. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

a) Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh gồm **60** tín chỉ, cụ thể:

STT	Nhóm kiến thức	Tổng số TC	Số TC bắt buộc	Số TC tự chọn
1	Kiến thức chung	07	07	0
2	Kiến thức cơ sở	20	11	9
3	Kiến thức chuyên ngành	24	12	12
4	Đề án tốt nghiệp	09	09	0
Tổng cộng		60	39	21

b) Thời gian và hình thức đào tạo: Đào tạo tập trung với thời gian **2** năm,

2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

2.1. Kế hoạch tuyển sinh

Công tác tuyển sinh được thực hiện theo Điều 8 của "*Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ"* được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021, Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021.

2.1.1. Phương thức tuyển sinh

+ Chỉ tiêu tuyển sinh: dự kiến trong 5 năm đầu: 150 – 200 sinh viên (mỗi năm 30-40 sinh viên).

+ Số lần tuyển sinh: tối đa 2 lần mỗi năm.

+ Hình thức tuyển sinh:

- 01: Xét tuyển (theo Thông tư 17/2021, Thông tư 23, 2021, Quy chế tuyển sinh thạc sĩ của Đại học Duy Tân;

- 02: Thi tuyển: tập trung, trực tiếp hoặc trực tuyến;

+ Các môn thi tuyển: Gồm 03 môn

- Môn Lý thuyết tiếng: Đây là môn chủ chốt của chuyên ngành đào tạo; kiểm tra kiến thức tích hợp (Ngữ âm, Ngữ pháp và Ngữ nghĩa tiếng Anh).

- Môn Thực hành tiếng: Kỹ năng thực hành ngôn ngữ Anh - Nghe, Đọc, Viết.

- Môn Ngoại ngữ 2: Thí sinh có thể chọn một trong các ngoại ngữ Trung, Hàn, Nhật, Pháp đầu vào theo qui định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

+ Điều kiện trúng tuyển:

- Thí sinh phải đạt điểm 5 trở lên theo thang điểm 10 ở các môn thi lí thuyết và thực hành.

- Môn ngoại ngữ 2: Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc của Việt Nam.

- Số lượng trúng tuyển căn cứ theo chỉ tiêu đã được xác định của Trường và tổng điểm thi các môn thi (trừ môn ngoại ngữ 2) của từng thí sinh.

- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng tổng điểm các môn thi như nhau thì sẽ xét đến mức điểm cao hơn của môn thực hành, sau đó đến môn lí thuyết và cuối cùng là môn ngoại ngữ 2 để xác định người trúng tuyển.

2.1.2. Đối tượng tuyển sinh

- Sinh viên tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh đủ điều kiện dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.

- Cán bộ làm việc tại các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy, các cán bộ của các trường đại học, trường phổ thông, các cơ sở đào tạo, các cơ quan truyền thông, các cơ quan đoàn thể, tổ chức xã hội…

a) Yêu cầu đối với người dự tuyển

- Đã tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành hoặc phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh;

- Nếu người đăng ký dự thi có bằng tốt nghiệp đúng ngành theo hình thức giáo dục thường xuyên thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy thuộc các ngành ngoại ngữ khác.

- Người tốt nghiệp đại học loại khá trở lên thuộc ngành tiếng Anh được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

- Đối với các chuyên ngành gần, hoặc đúng ngành nhưng theo hình thức giáo dục thường xuyên, từ xa phải có ít nhất từ 1 năm thâm niên công tác trở lên trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dự tuyển kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi và phải hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức do Trường Đại học Duy Tân qui định trước khi dự thi.

2.1.3. Danh mục các ngành đúng, ngành gần với ngành đăng ký đào tạo

STT	Ngành đúng
1	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh/ Anh văn)
2	Biên phiên dịch tiếng Anh
3	Du lịch tiếng Anh
4	Sư phạm Tiếng Anh
STT	**Ngành gần**
1	Ngôn ngữ Trung
2	Biên – Phiên dịch Tiếng Hàn
3	Du lịch Tiếng Hàn

4	Ngôn ngữ Nhật
5	Tiếng Việt và Việt ngữ học

2.1.4. Danh mục các môn học bổ sung kiến thức

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Nghe Tiếng Anh nâng cao	2
2	Nói Tiếng Anh nâng cao	2
3	Viết Tiếng Anh nâng cao	2
4	Đọc Tiếng Anh nâng cao	2
5	Lý thuyết tiếng (những vấn đề cơ bản về ngữ âm, ngữ nghĩa và ngữ pháp tiếng Anh)	4

2.2. Kế hoạch đào tạo

2.2.1. Hình thức đào tạo: Trực tiếp và trực tuyến; trực tuyến 30% khối lượng tín chỉ.

2.2.2. Thời gian đào tạo toàn khóa: Thời gian đào tạo toàn khóa là 2 năm, bao gồm 60 tín chỉ. Cấu trúc các khối kiến thức và phân bố các tín chỉ trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

STT	Nhóm kiến thức	Tổng số TC	Số TC bắt buộc	Số TC tự chọn
1	Kiến thức chung	07	07	0
2	Kiến thức cơ sở	20	11	9
3	Kiến thức chuyên ngành	24	12	12
4	Đề án tốt nghiệp	09	09	0
Tổng cộng		60	39	21

Bảng 13. *Danh mục các học phần trong CTĐT: phân bố thời lượng giảng dạy chi tiết*

SỐ TT	TÊN HỌC PHẦN (Tiếng Anh, Tiếng Việt)		KHỐI LƯỢNG (Tín chỉ)		
			Tổng số	LT	TH
I. Khối kiến thức chung:			**7**		
1	101	Philosophy (Triết học)	4	2	1
2	102	Second Foreign Language (Ngoại ngữ 2)	3	2	1
II. Khối kiến thức cơ sở:			**20**		
II.1. Các môn học bắt buộc:			**11**		
3	ENG 601	General Linguistics (Ngôn ngữ học đại cương)	2	2	0
4	ENG 602	Cross-cultural Communication (Giao tiếp giao văn hóa)	3	2	1
5	ENG 603	Contrastive Linguistics (Ngôn ngữ học đối chiếu)	3	2	1
6	ENG 604	World Englishes (Các loại tiếng Anh trên thế giới)	3	2	1
II.2. Các môn học tự chọn: 3/5 môn học			**9**		
7	ENG	English Phonology	3	2	1

	605	(Âm vị học)			
8	ENG 606	English Syntax (Cú pháp học)	3	2	1
9	ENG 607	English Pragmatics (Ngữ dụng học)	3	2	1
10	ENG 608	Functional grammar (Ngữ pháp chức năng)	3	2	1
11	ENG 609	Translation Studies (Nghiên cứu dịch thuật)	3	2	1
III. Khối kiến thức chuyên ngành			**24**		
III.1. Các môn học bắt buộc:			**12**		
12	ENG 701	Fieldwork 1 (Thực hành, điền dã 1)	3		3
13	ENG 702	Discourse Analysis (Phân tích diễn ngôn)	3	2	1
14	ENG 703	Fieldwork 2 (Thực hành, điền dã 2)	3		3
15	ENG 704	Research methods in linguistics (Các PPNC trong NNH)	3	2	1
III.2. Các môn học tự chọn: 4/8 môn học			**12**		
16	ENG 705	Appraisal Theory (Thuyết đánh giá)	3	2	1
17	ENG 706	Applied Linguistics (Ngôn ngữ học ứng dụng)	3	2	1
18	ENG 707	Sociolinguistics (Ngôn ngữ học xã hội)	3	2	1
19	ENG 708	Cognitive linguistics (Ngôn ngữ học tri nhận)	3	2	1
20	ENG 709	Statistics in Applied Linguistics (Thống kê trong NNH ứng dụng)	3	2	1
21	ENG	Stylistics	3	2	1

	710	(Tu từ học)			
22	ENG 711	Second language acquisition (Đắc thụ ngôn ngữ 2)	3	2	1
23	ENG 712	English for specific purposes (TAnh cho các mục đích chuyên ngành)	3	2	1
IV. Đề án TN			**9**		
Tổng cộng			**60**		

2.2.3. Mô tả các học phần trong Chương trình đào tạo

101: TRIẾT

Tên tiếng Anh học phần: Phylosophy
Mã học phần: 101
Loại học phần: Bắt buộc
Số tín chỉ: 4
Các học phần tiên quyết: Không

Môn Triết học dùng cho học viên cao học nhằm mục đích nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên cao học.

102: NGOẠI NGỮ 2

Tên tiếng Anh học phần: Second foreign language
Mã học phần: 102
Loại học phần: Bắt buộc
Số tín chỉ: 3
Các học phần tiên quyết: Không

Học phần Ngoại ngữ 2 trang bị cho học viên vốn kiến thức từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp và phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đáp ứng chuẩn đầu ra bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam.

ENG 601: NGÔN NGỮ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Tên tiếng Anh học phần: General Linguistics
Mã học phần: ENG 601
Loại học phần: Bắt buộc
Số tín chỉ: 2
Các học phần tiên quyết: Không

Học phần Ngôn ngữ học đại cương cung cấp kiến thức cơ bản về lý thuyết ngôn ngữ, như nguồn gốc ngôn ngữ, ngôn ngữ và lời nói, hoạt động lời nói; giới thiệu các mô hình cơ bản và các nguyên lý cơ bản của việc miêu tả ngôn ngữ học trên các bình diện ngữ âm-âm vị, ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng; phân tích những đóng góp của các trường phái ngôn ngữ học trong nghiên cứu các bình diện ngôn ngữ.

ENG 602: GIAO TIẾP GIAO VĂN HÓA

Tên tiếng Anh học phần: Cross-cultural Communication
Mã học phần: ENG 602
Loại học phần: Bắt buộc
Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 3, Thực hành: 1)
Các học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương

Giao tiếp giao văn hóa là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các khái niệm về văn hóa, chức năng và đặc điểm của văn hóa, các khía cạnh văn hóa, giá trị văn hóa, giao tiếp liên văn hóa, mối quan hệ giữa giao tiếp và văn hóa, ngôn ngữ và văn hóa, giao tiếp phi ngôn ngữ, thể diện và tính lịch sự, năng lực giao tiếp liên văn hóa. Người học có thể nghiên cứu về các hành vi ngôn từ trong giao tiếp giao văn hóa và phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa.

ENG 603: NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU

Tên tiếng Anh học phần: Contrastive Linguistics
Mã học phần: ENG 603
Loại học phần: Bắt buộc

Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 3, Thực hành: 1)

Các học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương

Học phần Ngôn ngữ học Đối chiếu giới thiệu những phương pháp và thủ pháp đối chiếu các bình diện của ngôn ngữ theo những quan điểm cấu trúc và chức năng và hướng dẫn cách vận dụng những thủ pháp đối chiếu ngôn ngữ theo phương thức song song nhằm xác định những điểm giống nhau và khác nhau về ngữ âm, hình thái từ, các loại cụm từ, các loại câu, những hành vi lời nói… .của tiếng Anh, một ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Ấn-Âu, và tiếng Việt, một ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Á-Úc-Nam Á.

ENG 604: CÁC LOẠI TIẾNG ANH TRÊN THẾ GIỚI

Tên tiếng Anh học phần: World Englishes

Mã học phần: ENG 604

Loại học phần: Bắt buộc

Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 3, Thực hành: 1)

Các học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương

Môn học cung cấp cho người học bức tranh toàn diện về tiếng Anh: lịch sử hình thành và phát triển như một ngôn ngữ thống trị bản đồ ngôn ngữ của thế giới, những thay đổi về ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa của tiếng Anh; sự phát triển của tiếng Anh như một ngôn ngữ chung để giao tiếp (lingua franca) trong các cộng đồng người mà tiếng Anh không phải là bản ngữ, sự phát triển đồng thời của tiếng Anh khi được sử dụng như phương tiện dạy học ở các cơ sở giáo dục khắp nơi trên thế giới, và cũng là ngôn ngữ của trao đổi, ấn phẩm học thuật, sự phát triển của các loại tiếng Anh qua tác động của CNTT. Môn học cũng giới thiệu các góc nhìn, tranh luận thế nào là tiếng Anh chuẩn, và những chiều hướng phát triển trong tương lai. Các phiên bản tiếng Anh trên thế giới, đặc biệt ở châu Á được lần lượt giới thiệu.

ENG 605: NGỮ ÂM – ÂM VỊ HỌC TIẾNG ANH

Tên tiếng Anh học phần: English phonetics and phonology

Mã học phần: ENG 605

Loại học phần: Tự chọn

Số tín chỉ: 3

Các học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương

Học phần Ngữ âm và âm vị học tiếng Anh giới thiệu kiến thức ngữ âm và âm vị trong tiếng Anh cơ bản và nâng cao, để người học vừa có thể củng cố kiến thức đại cương ở đại học vừa mở rộng và đào sâu các nội dung của bộ môn. Học phần bao gồm 3 phần chính : (1) ngữ âm - mô tả, phân loại các phụ âm và nguyên âm trong tiếng Anh hiện đại, và âm vị, và tổng quan về các biến thể âm vị, (2) âm vị - bao gồm các vấn đề âm tiết, nhịp, trọng âm, ngữ điệu, và (3) bức tranh các giọng tiếng Anh chính – giọng Anh, giọng Mỹ, và các giọng Anh ở Nam Bán Cầu.

ENG 606: CÚ PHÁP HỌC

Tên tiếng Anh học phần: Syntax

Mã học phần: ENG 606

Loại học phần: Tự chọn

Số tín chỉ: 3

Các học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương

Học phần Cú pháp học nhằm giúp học viên phát triển kiến thức cú pháp tiếng Anh cơ bản ở chương trình đại học. Học phần bao hàm các nội dung chuyên sâu và mở rộng - các lý thuyết cấu trúc, sau khi điểm qua các khái niệm cơ bản trong cú pháp học. Cuối cùng, học phần cũng giới thiệu các chủ đề nâng cao trong lý thuyết ràng buộc.

ENG 607: NGỮ DỤNG HỌC

Tên tiếng Anh học phần: Pragmatics

Mã học phần: ENG 607

Loại học phần: Tự chọn

Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 3, Thực hành: 1)

Các học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức về mối quan hệ giữa ngữ năng và ngữ thi trong ngữ cảnh giao tiếp. tập trung nghiên cứu hành chức của ngôn ngữ, vai trò của ngữ cảnh, tình huống giao tiếp, văn hóa để giải thích mục đích giao tiếp của người

tham gia giao tiếp; phân tích đặc điểm ngữ dụng trong qui chiếu (reference), tiên đề/tiền giả định (presupposition), kéo theo (entailment), hành vi lời nói (speech acts), hàm ý hội thoại (conversational implicature) và suy diễn (inference) trong mối quan hệ với các nguyên lý hợp tác (co-operative principles), phép lịch sự (politeness) trong giao tiếp. Kiến thức Ngữ dụng học đặc biệt được ứng trong sử dụng ngôn ngữ trong đời sống hằng ngày giữa những thành viên trong cùng một cộng đồng và liên văn hóa.

ENG 608: NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG

Tên tiếng Anh học phần: Functional grammar
Mã học phần: ENG 608
Loại học phần: Bắt buộc
Số tín chỉ: 3
Các học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương

Học phần giới thiệu ngữ pháp chức năng, gắn liền với tên tuổi của M. A. K. Halliday. Học phần cung cấp cho người học lăng kính soi rọi khía cạnh nghĩa của ngôn ngữ và cung cụ để thực hành phân tích diễn ngôn. Học phần tập trung vào giới thiệu 3 khía cạnh nghĩa của cú – nghĩa biểu hiện, nghĩa liên nhân, và nghĩa văn bản. Học phần cũng giới thiệu sơ lượt các cấu trúc dưới cú là các loại cụm từ. và vấn đề ẩn dụ ngữ pháp.

ENG 609: NGHIÊN CỨU DỊCH THUẬT

Tên tiếng Anh học phần: Translation studies
Mã học phần: ENG 609
Loại học phần: Tự chọn
Số tín chỉ: 3
Các học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương

Học phần này giới thiệu cho học viên một cái nhìn tổng quan về lĩnh vực nghiên cứu dịch thuật - trang bị cho học viên kiến thức lý thuyết nền tảng và kỹ năng cần thiết liên quan đến công tác dịch thuật. Học phần giúp học viên tiếp cận một số khái niệm chính trong lý thuyết dịch thuật, các vấn đề về tính tương đương trong ngữ nghĩa và ngữ dụng. Học phần cũng giới thiệu các cách tiếp cận dịch thuật từ cơ sở lý luận ngôn ngữ khác

nhau. Học viên được nâng cao nhận thức về các phương pháp dịch thuật và mối quan hệ giữa các phương pháp tiếp cận này.

ENG 701: THỰC HÀNH, ĐIỀN DÃ 1

Tên tiếng Anh học phần:	Fieldwork 1
Mã học phần:	ENG 701
Loại học phần:	Bắt buộc
Số tín chỉ:	3 (Thực hành: 3)
Các học phần tiên quyết:	Không

Thực hành – điền dã 1 là học phần giúp cho học viên qua quá trình xin thực tập tại một đơn vị là một doanh nghiệp có hợp tác trong đào tạo với Trường. Học phần giúp học viên thực hành kỹ năng tiếng Anh và các vấn đề lý luận vào thực tế công việc; công ty sử dụng tiếng Anh, Học viên sử dụng tiếng Anh trong thời gian thực tập và viết báo cáo. Học phần giúp học viên hiểu được các vấn đề liên quan đến công tác có sử dụng tiếng Anh,… tại đơn vị thực tập, từ đó lựa chọn đề tài liên quan đến một trong các lĩnh vực trên để hoàn thành đề chuẩn bị cho đề án tốt nghiệp của mình.

ENG 702: PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN

Tên tiếng Anh học phần:	Discourse Analysis
Mã học phần:	ENG 702
Loại học phần:	Bắt buộc
Số tín chỉ:	3
Các học phần tiên quyết:	Âm vị học, Ngữ nghĩa học, Cú Pháp, Ngôn ngữ học đại cương

Phân tích diễn ngôn trong dạy học tiếng Anh giới thiệu những kiến thức nền tảng về đặc trưng của ngôn ngữ trong hành chức. Môn học này giúp người học tiếp cận các đường hướng phân tích diễn ngôn từ truyền thống đến hiện đại. Qua môn học, người học nắm được tác động của các khía cạnh ngoại ngôn – văn hóa, xã hội – đối với hình thức ngôn ngữ, làm hình thành các thể loại diễn ngôn. Trên cơ sở những nhận thức đó, người học phát triển kỹ năng phân tích và đánh giá diễn ngôn trong thực tế sử dụng ngôn ngữ và dạy

học tiếng Anh như một ngoại ngữ, cũng như phát tiển năng lực sử dụng hiệu quả ngôn ngữ nói chung, tiếng Anh như một ngoại ngữ nói riêng.

ENG 703: THỰC HÀNH, ĐIỀN DÃ 2

Tên tiếng Anh học phần:	Fieldwork 2
Mã học phần:	ENG 703
Loại học phần:	Bắt buộc
Số tín chỉ:	3 (Thực hành: 3)
Các học phần tiên quyết:	Ngôn ngữ học đại cương

Thực hành – điền dã 2 là học phần giúp cho học viên qua quá trình xin thực tập tại một doanh nghiệp có sử dụng tiếng Anh hay một cơ sở giáo dục có đào tạo tiếng Anh. được lãnh đạo nhà trường duyệt sẽ hiểu được các vấn đề liên quan đến công tác liên quan đến sử dụng tiếng Anh, … tại đơn vị thực tập, từ đó lựa chọn đề tài liên quan đến một trong các lĩnh vực trên để hoàn thành đề án tốt nghiệp của mình.

ENG 704: CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG NGÔN NGỮ HỌC

Tên tiếng Anh học phần:	Research methods in linguistics
Mã học phần:	ENG 704
Loại học phần:	Bắt buộc
Số tín chỉ:	3 (Lý thuyết: 3, Thực hành: 1)
Các học phần tiên quyết:	Âm vị học, Ngữ nghĩa học, Cú Pháp, Ngôn ngữ học đại cương

Học phần này nhằm trang bị cho học viên phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ và ngôn ngữ học ứng dụng. Học phần định hướng và giúp cho sinh viên có được những kiến thức về những khái niệm cơ bản, những phương pháp nghiên cứu, cũng như các thủ pháp luận giải, các thao tác xử lý, phân tích tư liệu, dữ liệu, cũng như tiếp cận những hướng và mô hình nghiên cứu trong ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng. Học phần cũng trang bị cho người học cách thức viết đề cương và viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

ENG 705: THUYẾT ĐÁNH GIÁ

Tên tiếng Anh học phần: Appraisal theory
Mã học phần: ENG 705
Loại học phần: Tự chọn
Số tín chỉ: 3
Các học phần tiên quyết: Ngữ pháp chức năng, Phân tích diễn ngôn

Học phần Thuyết Đánh giá cung cấp kiến thức cơ bản về Thuyết đánh giá trên ba nét ngữ nghĩa: Thái độ (Attitude), Tham thoại (Engagement), và Thang độ (Graduation). Nghĩa thái độ được dùng để đánh giá cảm xúc và hành vi của con người; đánh giá quá trình và các sự vật hiện tượng. Nghĩa tham thoại được dùng để đánh giá mức độ tham thoại của người đối thoại. Nghĩa Thang độ được tìm thấy trong 2 nét nghĩa trên và được dùng để đánh giá mức độ cảm xúc, hành vi của con người, sự vật hiện tượng; và đánh giá mức độ tham thoại của người đối thoại.

ENG 706: NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG

Tên tiếng Anh học phần: Applied Linguistics
Mã học phần: ENG 706
Loại học phần: Tự chọn
Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 3, Thực hành: 1)
Các học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương, Tiếng Anh chuyên ngành

Ngôn ngữ học ứng dụng nghiên cứu ứng dụng các khái niệm và lý thuyết ngôn ngữ học khác nhau (học ngôn ngữ thứ hai, ngôn ngữ học tâm lý, ngôn ngữ học xã hội, ngữ dụng học, phân tích diễn ngôn, ngôn ngữ học khối liệu) vào những vấn đề thực tiễn khác nhau liên quan đến ngôn ngữ và giao tiếp ngôn ngữ, như biên-phiên dịch, biên soạn từ điển, dạy-học ngoại ngữ, đắc thụ tiếng mẹ đẻ, sử dụng ngôn ngữ chuyên biệt như ngôn ngữ y khoa, ngôn ngữ hình sự, pháp y.

ENG 707: NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI

Tên tiếng Anh học phần: Sociolinguistics
Mã học phần: ENG 707

Loại học phần: Tự chọn

Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 3, Thực hành: 1)

Các học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương

Học phần Ngôn ngữ học xã hội cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học xã hội như các đường hướng nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội, bối cảnh ra đời, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu; (2) các khái niệm cơ bản như biến thể ngôn ngữ, chuẩn hóa ngôn ngữ, cộng đồng ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, tiếp xúc ngôn ngữ, giao thoa và lai tạp ngôn ngữ, phương ngữ địa lý và phương ngữ xã hội, sự lựa chọn ngôn ngữ, ngôn ngữ và giới v.v….; (3) kế hoạch và chính sách ngôn ngữ. Ngoài ra, học phần này cũng trang bị cho học viên các kĩ năng và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội để ứng dụng vào nghiên cứu các vấn đề chính sách, sử dụng các ngôn ngữ ở Việt Nam.

ENG 708: NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN

Tên tiếng Anh học phần: Cognitive Linguistics

Mã học phần: ENG 708

Loại học phần: Tự chọn

Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 3, Thực hành: 1)

Các học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương, Ngữ nghĩa học

Ngôn ngữ học tri nhận nghiên cứu ngôn ngữ dưới ánh sáng của nhận thức luận. Học phần này nghiên cứu cơ chế hiểu ngôn từ - con người tri nhận lời nói như thế nào, nắm bắt các khái niệm - từ vựng hoá, ngữ pháp hoá; nghiên cứu mối quan hệ giữa cấu trúc ngữ nghĩa và cấu trúc ý niệm; các phạm trù nhận thức, phạm trù trong thế giới khách quan, như các phạm trù màu sắc, hình dạng, sinh vật, sự vật, kích cỡ, trọng lượng, chiều dài, độ dày; nghiên cứu việc ý niệm hoá hiện thực khách quan qua các khái niệm hình/nền, khung/viễn cảnh, không gian, sở hữu, nhân quả; nghiên cứu ẩn dụ tri nhận. Từ đó, ngôn ngữ học tri nhận góp phần lý giải những cách thức đặc thù của các dân tộc trong việc ý niệm hoá, phân loại và mô tả thế giới khách quan.

ENG 709: THỐNG KÊ TRONG NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG

Tên tiếng Anh học phần: Statistics in Applied Linguistics
Mã học phần: ENG 709
Loại học phần: Tự chọn
Số tín chỉ: 3
Các học phần tiên quyết: Các phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học

Học phần thống kê trong ngôn ngữ học ứng dụng nhằm hướng đến những sản phẩm học thuật trong ngôn ngữ học với độ tin cậy cao, đảm bảo tính trung thực, khách quan. Học phần giới thiệu kiến thức nền tảng của nghiên cứu định lượng, thống kê trong ngôn ngữ học ứng dụng, chủ yếu giới thiệu các khái niệm cơ bản và giúp người học thực hành sử dụng phần mềm SPSS. Học phần là đóng góp cần thiết để học viên có thể thực hiện các tiểu luận, đề án bảo đảm độ tin cậy.

ENG 710: PHONG CÁCH HỌC

Tên tiếng Anh học phần: Stylistics
Mã học phần: ENG 710
Loại học phần: Bắt buộc
Số tín chỉ: 3
Các học phần tiên quyết: Không

Học phần Phong cách học trang bị cho học viên kiến thức nền tảng về tầm quan trọng, các mối quan tâm của bộ môn. Trọng tâm của học phần là trang bị cho người học kiến thức về phương pháp – các cấp, các khía cạnh, các kỹ thuật phân tích đặc điểm phong cách của nhiều thể loại nói và viết, những thể loại thông dụng cũng như những thể loại ít thông dụng hơn.

ENG 711: ĐẶC THỤ NGÔN NGỮ THỨ 2

Tên tiếng Anh học phần: English for Specific Purposes
Mã học phần: ENG 711
Loại học phần: Tự chọn
Số tín chỉ: 3

Các học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương, Phân tích diễn ngôn

Đắc thụ ngôn ngữ thứ hai giúp người học hình thành kiến thức nền tảng về quá trình thụ đắc một ngôn ngữ thứ hai. Học phần giới thiệu hệ thống khái niệm, trường phái và các công trình nghiên cứu liên quan đến việc đắc thụ tiếng mẹ đẻ và học ngôn ngữ thứ hai. Học phần cũng hướng dẫn người học các phương pháp so sánh, phân tích, và tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học ngoại ngữ, như đặc điểm ngôn ngữ của người học, môi trường học và một số nguyên tắc cơ bản trong dạy ngoại ngữ.

ENG 712: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

Tên tiếng Anh học phần: English for Specific Purposes

Mã học phần: ENG 712

Loại học phần: Tự chọn

Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 3, Thực hành: 1)

Các học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học đại cương, Phân tích diễn ngôn

Học phần *Tiếng Anh chuyên ngành* bao gồm những vấn đề lý luận và thực hành sử dụng tiếng Anh cho các mục đích chuyên ngành. Học phần này nhằm giúp học viên làm quen với những nét đặc thù của tiếng Anh trong một số chuyên ngành cơ bản. Học phần cũng cung cấp kiến thức và kỹ năng về việc xây dựng chương trình tiếng Anh chuyên ngành, các phương pháp nghiên cứu, giảng dạy, và đánh giá tiếng Anh chuyên ngành.

Bảng 14. *Đối sánh các học phần với các chuẩn đầu ra chương trình*

TT	Mã HP	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
I. Khối kiến thức chung:											
1	101	✓							✓	✓	✓
2	102					✓		✓	✓	✓	✓
II. Khối kiến thức cơ sở:											
II.1. Các môn học bắt buộc:											
3	ENG		✓						✓	✓	✓

	601										
4	ENG 602		✓						✓	✓	✓
5	ENG 603		✓						✓	✓	✓
6	ENG 604		✓		✓				✓	✓	✓
II.2. Các môn học tự chọn: 3/5 môn học											
7	ENG 605		✓		✓		✓		✓	✓	✓
8	ENG 606		✓		✓		✓		✓	✓	✓
9	ENG 607		✓				✓		✓	✓	✓
10	ENG 608		✓				✓		✓	✓	✓
11	ENG 609		✓				✓		✓	✓	✓
III. Khối kiến thức chuyên ngành											
III.1. Các môn học bắt buộc:											
12	ENG 701										
13	ENG 702		✓				✓		✓	✓	✓
14	ENG 703		✓				✓		✓	✓	✓
15	ENG 704		✓				✓		✓	✓	✓
III.2. Các môn học tự chọn											
16	ENG		✓				✓				✓

	705										
17	ENG 706		✓				✓				✓
18	ENG 707		✓		✓		✓				✓
19	ENG 708		✓		✓		✓				✓
20	ENG 709		✓		✓		✓				✓
21	ENG 710		✓				✓				✓
22	ENG 711		✓	✓			✓				✓
23	ENG 712		✓	✓			✓				✓
IV	**Đề án TN**		✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓

2.2.4. Khung kế hoạch đào tạo từng học kì

Bảng 15. *Khung kế hoạch đào tạo từng học kỳ*

TT	HỌC PHẦN			PHÂN BỐ			
				HK1	HK2	HK3	HK4
	MÃ	TÊN	SỐ TC				
I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (7)							
1	101	Philosophy (Triết học)	4	4			
2	102	Second Foreign Language (Ngoại ngữ 2)	3	3			
II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ (23)							

II.1. Các môn học bắt buộc (12)							
3	ENG 601	General Linguistics (Ngôn ngữ học đại cương)	2	2			
4	ENG 602	Cross-cultural Communication (Giao tiếp giao văn hóa)	3	3			
5	ENG 603	Contrastive Linguistics (Ngôn ngữ học đối chiếu)	3	3			
6	ENG 604	World Englishes (Các loại TA trên thế giới)	3		3		
II.2. Các môn học tự chọn (9) (Chọn 3 trong 5)							
7	ENG 605	English Phonology (Âm vị học)	3		3		
8	ENG 606	English Syntax (Cú pháp học)	3		3		
9	ENG 607	English Pragmatics (Ngữ dụng học)	3		3		
10	ENG 608	Functional grammar (Ngữ pháp chức năng)	3		3		
11	ENG 609	Translation Studies (Nghiên cứu dịch thuật)	3		3		
III. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (24)							
III.1. Các môn học bắt buộc (12)							
12	ENG 701	Fieldwork 1 (Thực hành, điền dã 1)	3		3		
13	ENG 702	Discourse Analysis (Phân tích diễn ngôn)					
14	ENG 703	Fieldwork 2 (Thực hành, điền dã 2)	3			3	
15	ENG 704	Research methods in linguistics (Các PPNC trong NNH)	3			3	

III.2. Các môn học tự chọn (12) (chọn 4/8 môn học)							
16	ENG 705	Appraisal Theory (Thuyết đánh giá)	3	2	3		
17	ENG 706	Applied Linguistics (Ngôn ngữ học ứng dụng)	3	2	3		
18	ENG 707	Sociolinguistics (Ngôn ngữ học xã hội)	3			3	
19	ENG 708	Translation Studies (Nghiên cứu dịch thuật)	3			3	
20	ENG 709	Statistics in Applied Linguistics (Thống kê trong NNH ứng dụng)	3			3	
21	ENG 710	Stylistics (Tu từ học)	3			3	
22	ENG 711	Second Language Acquisition (Tiếp thụ ngôn ngữ hai)	3			3	
23	ENG 712	English for Specific Purposes (Tiếng Anh chuyên ngành)		3			
IV. ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP (9)							9
Tổng cộng			***0***	***17***	***16***	***18***	***9***

2.2.5. Dự kiến phân công giảng viên giảng dạy

Bảng 16. *Dự kiến phân công giảng viên giảng dạy*

STT	HỌC PHẦN		GIẢNG VIÊN
I. Khối kiến thức chung			
1	101	Philosophy (Triết học)	PGS.TS. Nguyễn Văn Dương *(ĐH Duy Tân)*
2	102	Second Foreign Language (Ngoại ngữ 2)	TS. Đặng Thụy Liên - T Trung –

			(ĐH Duy Tân) TS. Lê T Ngọc Cầm - T Hàn – *(ĐH Duy Tân)* ThS. Tôn Nữ Minh Châu – T Nhật – (*ĐH Duy Tân*)
II. Khối kiến thức cơ sở:			
II.1. Các môn học bắt buộc:			
3	ENG 601	General Linguistics (Ngôn ngữ học đại cương)	Tôn Nữ Mỹ Nhật (*ĐH Duy Tân*) Trần Thị Minh Giang (*ĐH Duy Tân*)
4	ENG 602	Cross-cultural Communication (Giao tiếp giao văn hóa)	Châu Thị Hoàng Hoa (*ĐH Trà Vinh*) Nguyễn Thị Hồng Nga (*ĐH Duy Tân*)
5	ENG 603	Contrastive Linguistics (Ngôn ngữ học đối chiếu)	Lưu Thị Hương (*ĐH Duy Tân*) Trần Thị Minh Giang (*ĐH Duy Tân*)
6	ENG 604	World Englishes (Các loại tiếng Anh trên thế giới)	Kyung-soo CHUN (*ĐH Duy Tân*) Trần Thị Minh Giang (*ĐH Duy Tân*)
II.2. Các môn học tự chọn			
7	ENG 605	English Phonology (Âm vị học)	Tôn Nữ Mỹ Nhật (*ĐH Duy Tân*) Dương Bạch Nhật (*ĐH Kinh tế Đà Nẵng*)
8	ENG 606	English Syntax (Cú pháp học)	Vương Thu Minh (*ĐH Duy Tân*) Kyung-soo CHUN

			(*ĐH Duy Tân*)
9	ENG 607	English Pragmatics (Ngữ dụng học)	Nguyễn Thị Minh Hạnh (*ĐH Duy Tân*) Trần Thị Minh Giang (*ĐH Duy Tân*)
10	ENG 608	Functional grammar (Ngữ pháp chức năng)	Tôn Nữ Mỹ Nhật (*ĐH Duy Tân*) Kyung-soo CHUN (*ĐH Duy Tân*)
11	ENG 609	Translation studies (Nghiên cứu dịch thuật)	Vương Thu Minh (*ĐH Duy Tân*) Lê Nhân Thành (ĐH Quy Nhơn)
III. Khối kiến thức chuyên ngành			
III.1. Các môn học bắt buộc			
12	ENG 701	Field work 1 (Thực hành, điền dã 1)	Nguyễn Thị Minh Hạnh (*ĐH Duy Tân*) Vương Thu Minh (*ĐH Duy Tân*)
13	ENG 702	Discourse Analysis (Phân tích diễn ngôn)	Tôn Nữ Mỹ Nhật (*ĐH Duy Tân*) Trương Bạch Lê (ĐH Ngoại ngữ Huế)
14	ENG 703	Field work 1 (Thực hành, điền dã 1)	Nguyễn Thị Minh Hạnh (*ĐH Duy Tân*) Vương Thu Minh (*ĐH Duy Tân*)
15	ENG 704	Research methods in linguistics (Các PPNC trong NNH)	Lê Văn Thịnh (ĐH Xây dựng Phú Yên) Vương Thu Minh (*ĐH Duy Tân*)

III.2. Các môn học tự chọn			
16	ENG 705	Appraisal Theory (Thuyết đánh giá)	Võ Duy Đức *(ĐH Quy Nhơn*) Nguyễn Thị Minh Hạnh (*ĐH Duy Tân*)
17	ENG 706	Applied Linguistics (NNH ứng dụng)	Nguyễn Tiến Phùng (*ĐH Quy Nhơn*) Nguyễn Thị Hồng Nga (*ĐH Duy Tân*)
18	ENG 707	Sociolinguistics (Ngôn ngữ học xã hội)	Kyung-soo CHUN (*ĐH Duy Tân*) Vương Thu Minh (*ĐH Duy Tân*)
19	ENG 708	Cognitive linguistics (NNH tri nhận)	Tôn Nữ Mỹ Nhật (*ĐH Duy Tân*) Lưu Thị Hương (*ĐH Duy Tân*)
20	ENG 709	Statistics in Applied Linguistics (Thống kê trong NNH ứng dụng)	Võ Ngọc Hồi (*ĐH Mở TP.HCM*) Nguyễn Thị Hồng Nga (*ĐH Duy Tân*)
21	ENG 710	Stylistics (Tu từ học)	Vương Thu Minh (*ĐH Duy Tân*) Ngô Đình Phương (*ĐH Vinh*)
22	ENG 711	Second language acquisition (Tiếp thụ ngôn ngữ 2)	Nguyễn Thị Mai Hương (Đại học Sư phạm Hà Nội) Lưu Thị Hương (*ĐH Duy Tân*)
23	ENG 712	English for Specific Purposes (Tiếng Anh chuyên ngành)	Nguyễn Thị Hồng Nga (*ĐH Duy Tân*)

			Nguyễn Thị Minh Hạnh (*ĐH Duy Tân*)

2.2.6. Yêu cầu đối với người tốt nghiệp

- Đã học xong và đạt yêu cầu các môn học trong khung kế hoạch đào tạo.

- Trình độ năng lực ngoại ngữ 2 của học viên đạt được ở mức tương đương cấp độ B2 hoặc Bậc 4/6 của Khung Châu Âu Chung (Thông tư 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28-02-2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hiệu trưởng quy định cụ thể việc tổ chức đánh giá trình độ ngoại ngữ thứ hai của học viên.

- Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của trường ĐH Duy Tân.

- Không đang trong thời gian chịu kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn.

- Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu.

2.3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

Mục tiêu của Trường ĐHDT là xây dựng Khoa tiếng Anh trở thành một trong những cơ sở đào tạo, nghiên cứu ứng dụng hàng đầu ở Miền Trung – Tây Nguyên về lĩnh vực ngôn ngữ Anh, đạt kiểm định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Để đáp ứng mục tiêu chung trên, Trường ĐHDT và Khoa tiếng Anh luôn đặt ra những mục tiêu cụ thể là:

- Theo kế hoạch trung hạn và dài hạn về nguồn nhân lực: Trường luôn xác định nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực có trình độ cho việc đào tạo Ngoại ngữ, trong đó tập trung chú trọng chuyên ngành Ngôn ngữ Anh về tăng trưởng số lượng và đảm bảo chất lượng theo thời gian và lâu dài. Cụ thể, đến năm 2025, trong lực lượng giảng viên cơ hữu, Bộ môn Tiếng Anh phấn đấu có thêm 05 giảng viên có học vị tiến sĩ, 02 giảng viên có học vị Phó Giáo sư.

- Theo từng năm học, Trường đều có kế hoạch cử giảng viên đi đào tạo bậc Tiến sĩ cho những khoa đào tạo có nhu cầu, trong đó có Khoa tiếng Anh. Đây là nguồn lực quan trọng về lâu về dài để tăng cường giảng viên cơ hữu cho đào tạo sau đại học về Ngôn ngữ Anh của Trường.

- Trường tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất vốn hiện đại bậc nhất so với các trường đại học ở miền Trung. Đặc biệt ngoài số sách trong thư viện hiện có, Trường ĐHDT tiếp tục đầu tư, cung cấp thêm số lượng sách chuyên khảo cập nhật hiện nay.

- Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo thông qua việc tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học. Tăng cường mời thêm giáo viên thỉnh giảng, chuyên gia nước ngoài có kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo.

- Kế hoạch hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp: Đối với các đơn vị có nhu cầu cán bộ có trình độ thạc sĩ Ngôn ngữ Anh, Trường sẽ thực hiện việc chủ trì và phối hợp đào tạo với đơn vị theo yêu cầu trên cơ sở đảm bảo chất lượng theo chuẩn đầu ra về trình độ thạc sĩ Ngôn ngữ Anh được phê duyệt. Mỗi khóa sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể và quy chế phối hợp giữa hai bên để kế hoạch đảm bảo được thực hiện tốt nhất.

- Mức học phí/người học/năm học, khoá học: Theo quy định chung của Trường ĐHDT về đào tạo sau đại học.

3. Đề cương chi tiết các học phần